

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG**  
**CHUYÊN ĐỀ: TÂM LÝ VÀ GIÁO DỤC TRẺ**  
**MẦM NON**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDCE ngày / / 20...  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum)*

Kon Tum, năm 2022

## MỤC LỤC

<b>TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN .....</b>	<b>iii</b>
<b>LỜI GIỚI THIỆU.....</b>	<b>iv</b>
<b>BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ EM.....</b>	<b>2</b>
1. Đối tượng của tâm lý học trẻ em và một số khái niệm liên quan.....	2
1.1. Đối tượng của tâm lý học trẻ em.....	2
1.2. Một số khái niệm liên quan.....	2
2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý trẻ em .....	3
2.1. Điều kiện sinh học và phát triển tâm lý trẻ em .....	3
2.2. Hoạt động và phát triển tâm lý trẻ em .....	4
2.3. Văn hoá và phát triển tâm lý trẻ em.....	4
<b>BÀI 2: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ NHÀ TRẺ .....</b>	<b>7</b>
<b>(TRẺ TỪ 0-3 TUỔI).....</b>	<b>7</b>
1. Đặc điểm phát triển của trẻ sơ sinh (từ 0 - 2 tháng tuổi) .....	7
1.1. Vai trò của các phản xạ không điều kiện.....	7
1.2. Tình trạng bất phân - cảm giác chưa phân định (không phân biệt được đồ vật khác nhau) .....	8
2. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi (từ 2 - 12 tháng tuổi) .....	8
2.1. Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi.....	8
2.2. Sự phát triển vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh.....	10
2.3. Hình thành những tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ .....	11
3. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ từ 12 tháng đến 24 tháng.....	12
3.1. Đặc điểm vô thức .....	12
3.2. Đặc điểm về hoạt động và giao tiếp .....	13
3.3. Đặc điểm về các nhu cầu.....	14
3.4. Đặc điểm của một số chức năng tâm lý.....	15
4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ từ 24 tháng đến 36 tháng.....	16
4.1. Đặc điểm vô thức .....	16
4.2. Sự hình thành ý thức và tự ý thức .....	16
4.3. Đặc điểm về hoạt động và giao tiếp .....	16
4.4. Đặc điểm của một số chức năng tâm lý.....	17
<b>BÀI 3: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ MẪU GIÁO .....</b>	<b>19</b>
<b>(TRẺ TỪ 3 - 6 TUỔI).....</b>	<b>19</b>
1. Đặc điểm phát triển tâm lý, vận động (tâm vận động) của trẻ mẫu giáo.....	19
1.1. Khái niệm: tâm vận động, sự phát triển tâm vận động. ....	19
1.2. Những thành tố cơ bản của tâm vận động.....	20
2. Đặc điểm phát triển nhân cách của trẻ mẫu giáo.....	22
2.1. Khả năng ý thức về bản thân của trẻ mẫu giáo .....	22

2.2. Sự hình thành động cơ trong hành vi của trẻ Mẫu giáo.....	24
2.3. Đặc điểm về tình cảm của trẻ mẫu giáo .....	25
2.4. Đặc điểm ý chí ở trẻ mẫu giáo .....	26
3. Đặc điểm phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo.....	26
3.1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo .....	26
3.2. Sự phát triển hoạt động nhận cảm của trẻ mẫu giáo .....	29
3.3. Đặc điểm phát triển trí nhớ của trẻ mẫu giáo.....	29
4. Đặc điểm phát triển tư duy-tưởng tượng của trẻ mẫu giáo .....	30
4.1. Đặc điểm về tư duy của trẻ mẫu giáo .....	30
4.2. Đặc điểm về tưởng tượng của trẻ mẫu giáo .....	33
5. Đặc điểm phát triển chú ý của trẻ mẫu giáo .....	34
<b>BÀI 4: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO TRẺ</b> .....	<b>36</b>
<b>MẦM NON.....</b>	<b>36</b>
1. Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 3 tuổi.....	36
1.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ .....	36
1.2. Tổ chức chế độ chơi - tập cho trẻ.....	40
1.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật, đồ chơi.....	41
2. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo.....	45
2. 1. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo .....	45
2.2. Hoạt động học tập của trẻ mẫu giáo .....	51
2.3. Hoạt động lao động của trẻ mẫu giáo .....	52

**TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu Tâm lý và giáo dục trẻ mầm non được biên soạn dựa trên chương trình Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục. Mục đích để làm tài liệu giảng dạy chính thức cho giáo viên và làm tài liệu học tập chính thức cho học viên.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi có tham khảo từ nhiều nguồn tài liệu nên có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

## LỜI GIỚI THIỆU

*Chuyên đề Tâm lý giáo dục trẻ mầm non được biên soạn nhằm mục đích phục vụ cho công tác bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục. Tài liệu cung cấp cho người học những kiến thức tâm lý trẻ em, hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ em. Trên cơ sở những kiến thức về tâm lý trẻ em, người học sẽ lựa chọn những phương pháp dạy học phù hợp với từng độ tuổi trẻ nhà trẻ. Nội dung mô đun gồm các vấn đề sau:*

*Bài 1: Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em*

*Bài 2: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ nhà trẻ*

*Bài 3: Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo*

*Bài 4. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ Mầm non*

*Trong quá trình biên soạn, tác giả đã cố gắng thể hiện ngắn gọn, trọng tâm các nội dung cơ bản, khoa học. Tuy nhiên, do thời gian có hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp của đồng nghiệp để tài liệu được hoàn thiện hơn.*

Kon Tum, ngày 17 tháng 3 năm 2022

**BIÊN SOẠN**



**Nguyễn Thị Cúc**

# **TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG**

## **TÊN CHUYÊN ĐỀ: TÂM LÝ GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON THÔNG TIN CHUNG VỀ CHUYÊN ĐỀ**

**Mã chuyên đề:** 23080006

### **Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của chuyên đề:**

- Vị trí: đây là chuyên đề cung cấp các kiến thức cơ sở về tâm lý trẻ mầm non, hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ từ 0-6 tuổi nên cần được bố trí dạy trước các chuyên đề chuyên ngành, chuyên đề phương pháp dạy học.

- Tính chất: Là chuyên đề tích hợp giữa kiến thức lý thuyết và thực hành. Nội dung thực hành được thể hiện thông qua các bài tập, thảo luận và một số hình thức khác.

- Ý nghĩa và vai trò của chuyên đề: Chuyên đề tâm lý giáo dục trẻ mầm non có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong việc cung cấp kiến thức về tâm lý trẻ em. Trên cơ sở đó giúp người dạy hình thành những kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực.

### **Mục tiêu của chuyên đề:**

#### **1. Về kiến thức:**

- Mô tả chính xác những khái niệm tâm lý; Phân tích những vấn đề liên quan của tâm lý học, tâm lý học trẻ em trước tuổi học.

- Mô tả chính xác các quy luật và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mầm non

#### **2. Về kỹ năng:**

- Thực hiện thành thực quy trình tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ mầm non;

- Vận dụng các quy luật, đặc điểm phát triển tâm lý vào công tác chăm sóc, giáo dục, hỗ trợ trẻ mầm non phát triển thuận lợi ở những giai đoạn tiếp theo.

#### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Tích cực bồi dưỡng lòng yêu nghề, mến trẻ.

- Chủ động tìm hiểu thế giới trẻ thơ, đặc biệt là trẻ trước 3 tuổi để làm tốt công việc chăm sóc và nuôi dưỡng thể hệ trẻ.

## NỘI DUNG CỦA CHUYÊN ĐỀ

### BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

Mã bài: 23080006-01

Nguyễn Thị Cúc

#### GIỚI THIỆU

Bài 1 giới thiệu những kiến thức chung của tâm lý học trẻ em như: khái niệm, đối tượng nghiên cứu của tâm lý học trẻ em. Phân tích những điều kiện của sự phát triển tâm lý trẻ. Qua đó giúp người học hiểu rõ về đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non.

#### MỤC TIÊU

- Mô tả khái quát khái niệm, đối tượng của tâm lý học trẻ em; phân tích được những điều kiện của sự phát triển tâm lý trẻ mầm non.
- Thiết kế được các hoạt động phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ từ 0-6 tuổi.
- Chủ động thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tìm hiểu về đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non.

#### NỘI DUNG

##### 1. Đối tượng của tâm lý học trẻ em và một số khái niệm liên quan

###### 1.1. Đối tượng của tâm lý học trẻ em

Tâm lý học là một khoa học nghiên cứu dạng vận động chuyển tiếp từ vận động sinh học sang vận động xã hội, từ thế giới khách quan vào mỗi con người sinh ra hiện tượng tâm lý - với tư cách là một hiện tượng tinh thần thì tâm lý học có đối tượng nghiên cứu là toàn bộ đời sống tâm lý của con người như: cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, trình cảm, nhu cầu, hứng thú, năng lực, khí chất, tính cách.(1)

Tâm lý học trẻ em là khoa học nghiên cứu những đặc điểm và quy luật phát triển tâm lý của trẻ, xem sự hoạt động của trẻ, sự phát triển các quá trình, phẩm chất tâm lý và sự hình thành nhân cách của trẻ theo con đường nào, bằng cơ chế nào? Cho nên đối tượng của tâm lý học trẻ em nghiên cứu những sự kiện và quy luật phát triển hoạt động, các quá trình, phẩm chất tâm lý và sự hình thành nhân cách của trẻ trong sự phát triển ở mỗi độ tuổi.

###### 1.2. Một số khái niệm liên quan (2)

Vô thức là các hiện tượng tâm lý mà con người chưa nhận thức được, không diễn đạt được bằng ngôn ngữ cho mình và cho người khác hiểu.

Ý thức là một hình thức phản ánh tâm lý cao nhất chỉ có ở con người. Đó là khả năng con người hiểu được các tri thức (hiểu biết) mà con người đã nhận thức được.

Hoạt động là mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và thế giới (khách

thể) để tạo ra sản phẩm cả về phía thế giới, cả về phía con người. Như vậy, qua quá trình hoạt động con người phát triển bản thân mình, đồng thời tạo sự thay đổi ở thế giới khách quan.

Giao tiếp là sự tác động qua lại giữa con người với con người trong đó diễn ra sự tiếp xúc tâm lý được biểu hiện ở sự trao đổi thông tin, ở sự rung cảm lẫn nhau, hiểu biết nhau và ảnh hưởng đến nhau. Hay nói cách khác đi, giao tiếp là sự xác lập và vận hành các quan hệ người, hiện thực hóa các mối quan hệ giữa chủ thể này với chủ thể khác.

Nhu cầu: là sự đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần được thoả mãn để tồn tại và phát triển. Nhu cầu có các đặc điểm:

Nhu cầu bao giờ cũng có đối tượng. Khi nào nhu cầu gặp đối tượng có khả năng đáp ứng sự thoả mãn thì lúc đó nhu cầu trở thành động cơ thúc đẩy con người hoạt động nhằm tới đối tượng.

Nội dung nhu cầu do điều kiện và phương thức thoả mãn quy định

Nhu cầu của con người mang tính xã hội cao.

Nhu cầu của con người rất đa dạng- vật chất - tinh thần.

Nhu cầu mang tính chu kì: Khi kết thúc nhu cầu này sẽ làm nảy sinh nhu cầu khác, và nhu cầu lần sau lại tái diễn lại nhu cầu lần trước những ở mức độ khác.

## ***2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý trẻ em (1, 3)***

### ***2.1. Điều kiện sinh học và phát triển tâm lý trẻ em***

Điều kiện sinh học là bao gồm tất cả những yếu tố tạo nên hình thái cơ thể con người, nói cách khác đi là hình thái, cấu tạo giải phẫu sinh lý người. Trong đó, đặc biệt quan trọng là các giác quan, hệ thần kinh, não bộ con người, là những điều kiện cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển tâm lý. Xét theo quá trình tiến hoá của giới động vật thì hình thái cơ thể của con người có tổ chức cao nhất, đang ở bậc thang trên cùng của quá trình tiến hoá.

Các nhà tâm lý học hoạt động đã khẳng định: không có bộ não người thì không thể nảy sinh các phẩm chất tâm lý của con người. Đó chính là tính mềm dẻo và khả năng tiếp thu kinh nghiệm xã hội lịch sử của não bộ.

Điều kiện sinh học ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ:

- Những chức năng tâm lý sơ đẳng của trẻ như các cảm giác gắn liền với các cơ quan nhận cảm sẽ cho đứa trẻ có những hiểu biết ban đầu về thế giới bên ngoài. Chất lượng hoạt động của các cơ quan nhận cảm đều ảnh hưởng đến các chức năng tâm lý bậc cao.

- Kiểu hoạt động thần kinh cấp cao (mạnh, yếu; cân bằng hay không cân bằng; linh hoạt hay không linh hoạt) đều có ảnh hưởng đến cách bộc lộ của các hoạt động tâm lý, khiến cho hành vi của mỗi đứa trẻ mang những sắc thái riêng biệt (nóng nảy, chậm rãi, hoạt bát hay, ưu tư)



- Những độc tố trong cơ thể của cha mẹ cũng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tâm lý của con trẻ, nhất là sự phát triển trí tuệ.

Tóm lại, những điều kiện sinh học có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tâm lý của trẻ em, ảnh hưởng này được thể hiện rõ ở việc nó sẽ tạo nên những điều kiện thuận lợi hay gây ra những trở ngại cho sự phát triển tâm lý với tốc độ nhanh hay chậm, dễ dàng hay khó khăn. Nó không quyết định đến sự phát triển tâm lý của đứa trẻ, mà nó đóng vai trò là tiền đề vật chất cho sự phát triển tâm lý của chính đứa trẻ.

## **2.2. Hoạt động và phát triển tâm lý trẻ em**

Hoạt động quyết định sự hình thành và phát triển tâm lý con người. Nếu con người không hoạt động thì sẽ không hình thành được đời sống tâm lý của mình. Sự phát triển tâm lý được dựa vào 2 quá trình: *Đối tượng hóa* và *Chủ thể hóa*. Hai quá trình này luôn diễn ra trong hoạt động của chủ thể làm cho chủ thể vừa cải tạo được thế giới khách quan vừa phát triển được bản thân mình.

Hoạt động của cá nhân chính là quá trình chủ thể hóa để chiếm lĩnh những kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng, kỹ xảo do các nhà bác học tổng quan lên. Bản thân tri thức chứa đựng khái niệm, định nghĩa và con đường dẫn tới khái niệm. Cá nhân tiến hành đọc sách, nghe giảng... để tiếp thu những khái niệm đó.

Trong các loại hoạt động thì hoạt động chủ đạo là hoạt động quy định những biến đổi chủ yếu nhất trong các quá trình tâm lý và đặc điểm nhân cách của trẻ.

- Hoạt động chủ đạo có những đặc điểm sau:

+ Là hoạt động có đối tượng mới, chưa hề có trước đó. Chính đối tượng mới này tạo ra những cái mới hay những cấu tạo mới trong tâm lý, tức là sự phát triển.

+ Là hoạt động có khả năng chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ em và tiếp theo đó những quá trình tâm lý sẽ được cải tổ, được tổ chức lại bằng chính hoạt động này.

+ Là hoạt động có khả năng chi phối các hoạt động khác cùng diễn ra đồng thời trong giai đoạn đó.

## **2.3. Văn hoá và phát triển tâm lý trẻ em**

Văn hóa là thế giới tinh thần của con người với những thành tựu đạt được trong suốt tiến trình lịch sử của nó để hoàn thiện mình và hoàn thiện xã hội.

Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. (Trần Ngọc Thiêm)

Văn hóa có hai hình thái: Văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, sự phân chia này cũng mang tính ước lệ

Văn hóa chứa đựng trong nó những kinh nghiệm xã hội - lịch sử mà loài người đã tích lũy được. Sự phát triển tâm lý của đứa trẻ là quá trình đứa trẻ lĩnh hội kinh nghiệm loài người trong nền văn hóa. Cho nên nền văn hóa chính là

nguồn gốc và nội dung của sự phát triển tâm lý.

Sự phát triển tâm lý của đứa trẻ chịu sự chi phối bởi những điều kiện sống, bởi trình độ văn hóa của những người xung quanh, bởi mức độ phong phú và tình xáo của những phương tiện sống, bởi những biến đổi của xã hội. Hay nói cách khác đi, ở nền văn hóa nào thì sẽ ảnh hưởng và “sản sinh” ra những đứa trẻ của nền văn hóa ấy.

- Đứa trẻ tiếp nhận nền văn hóa theo hai con đường:

+ Con đường tự phát - đây là sự tiếp nhận một cách tự nhiên của các yếu tố trong hoàn cảnh sống chủ yếu theo cơ chế bắt chước. Với con đường này sự phát triển tâm lý của đứa trẻ sẽ mang tính tùy tiện → sẽ bắt chước cả cái hay và cái không hay trong xã hội.

+ Con đường tự giác - tức là giáo dục, đây là sự tác động có mục đích, có kế hoạch của người lớn đối với trẻ nhằm hình thành ở đứa trẻ những phẩm chất nhân cách và năng lực đáp ứng được những yêu cầu của xã hội đặt ra. Vì vậy, giáo dục sẽ đóng vai trò là yếu tố chủ đạo định hướng cho sự phát triển nhân cách, tâm lý của chính đứa trẻ.

- Đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non (0 đến 6 tuổi) văn hóa gia đình đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của đứa trẻ. Môi trường văn hóa gia đình giúp cho sự phát triển của đứa trẻ được thuận lợi bởi yếu tố an toàn mà đứa trẻ cảm nhận được và đứa trẻ sẽ được thụ hưởng phương thức giáo dục gia đình.

Phương thức giáo dục này có những thuận lợi hơn giáo dục nhà trường ở chỗ:

+ Gia đình chăm sóc và dạy dỗ trẻ em bằng tình thương yêu ruột thịt.

+ Người lớn trong gia đình dạy trẻ bằng sự giao lưu trực tiếp và thường xuyên.

+ Gia đình không tiến hành giáo dục một cách đồng loạt đối với các cháu trong cùng một nhóm mà chăm sóc và dạy dỗ từng cháu một phù hợp với đặc điểm riêng của mỗi cháu.

+ Giáo dục gia đình thường bằng nhiều hình thức mang tính chất tổng hợp và được màu sắc nghệ thuật.

## **TÓM TẮT BÀI HỌC**

Nội dung bài học đề cập đến đối tượng, nhiệm vụ và điều kiện phát triển tâm lý trẻ em. Trong đó cần quan tâm đến những điều kiện để phát triển tâm lý trẻ như: điều kiện sinh học, văn hóa... Vì vậy trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ từ 0-6 tuổi, người dạy trẻ cần chú ý đến sự ảnh hưởng của điều kiện sinh học, văn hóa...đối với sự hình thành và phát triển tâm lý trẻ em.

## **BÀI TẬP**

**Câu hỏi 1.** Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học trẻ em?

**Câu hỏi 2.** Điều kiện sinh học? Điều kiện sinh học ảnh hưởng như thế nào

đến sự phát triển tâm lý của trẻ?

**Câu hỏi 3.** Hoạt động? Hoạt động ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển tâm lý của trẻ?

**Câu hỏi 4.** Văn hóa là gì? Văn hóa ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển tâm lý của trẻ?

**Bài tập thảo luận:** Làm rõ phong tục, thói quen, văn hóa gia đình ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ em?

## **BÀI 2: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ NHÀ TRẺ (TRẺ TỪ 0-3 TUỔI)**

**Mã bài: 23080006-02**

**Nguyễn Thị Cúc**

### **GIỚI THIỆU**

Bài 2 giới thiệu những kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ sơ sinh; vai trò của phản xạ không điều kiện, tình trạng bất phân, sự hình thành và phát triển cảm giác; đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ hài nhi.

### **MỤC TIÊU**

- Phân tích được đặc điểm tâm lý của trẻ em theo từng độ tuổi.
- Thiết kế thành thạo các hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ từ 6 tháng đến 36 tháng.
- Chủ động tìm hiểu các đặc điểm tâm lý của trẻ nhà trẻ. Tích cực vận dụng phù hợp với từng độ tuổi và từng điều kiện thực tiễn.

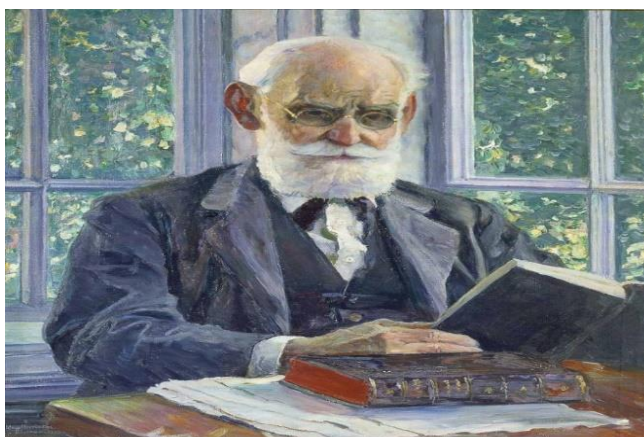
### **NỘI DUNG**

#### **1. Đặc điểm phát triển của trẻ sơ sinh (từ 0 - 2 tháng tuổi) (1, 3)**

##### ***1.1. Vai trò của các phản xạ không điều kiện***

Từ đời sống ký sinh trong bụng mẹ, một môi trường tương đối ổn định, đứa trẻ ra đời đột ngột bị đẩy vào một hoàn cảnh mới mẻ của môi trường không khí với kích thích của thế giới bên ngoài. Vì vậy, trẻ đã được trang bị một số phản xạ không điều kiện giúp trẻ thích ứng với hoàn cảnh sống mới. Phản xạ thở, phản xạ mắt, phản xạ bú mút, phản xạ về nhiệt độ, phản xạ nắm v.v... đều là những phản xạ bẩm sinh được thực hiện sau khi sinh ra.

Đây là thời kỳ duy nhất trong đời sống con người mà những hành vi bản năng được biểu hiện dưới dạng thuần túy nhất để thỏa mãn những nhu cầu cơ thể. Nhưng sự thỏa mãn nhu cầu này không thể tạo ra sự phát triển tâm lý mà chỉ có thể đảm bảo cho sự sống còn của đứa trẻ mà thôi. Điều này khiến cho sự phát triển của trẻ khác hẳn với con vật non.



**Hình 2.1: Ivan Paplop- người tìm ra định luật phản xạ có điều kiện**

Ở con vật non những phản xạ không điều kiện đảm bảo cho nó trở thành con vật lớn. Đây chính là hành vi bản năng bảo đảm cho đời sống bình thường của động vật như tự vệ, săn mồi, nuôi con... Trong khi đó những phản xạ không điều kiện của đứa trẻ lại không bảo đảm được sự xuất hiện các hình thái hành vi của con người (như nói năng, suy nghĩ, lao động...).

Như vậy so với con vật non thì đứa trẻ yếu ớt hơn rất nhiều, vì mới sinh ra nó chưa có sẵn bất kỳ một hình thái hành vi nào của con người. Điều này tưởng là điểm yếu, nhưng thực ra đây là thế mạnh của đứa trẻ. Mới sinh ra đứa trẻ hầu như bất lực, không tự phát triển được nhưng lại có khả năng tiếp nhận kinh nghiệm và hành vi đặc biệt của con người.

### ***1.2. Tình trạng bất phân - cảm giác chưa phân định (không phân biệt được đồ vật khác nhau)***

Theo Renne Spitz (một nhà tâm lý học Mỹ), trẻ sơ sinh trong tình trạng bất phân khi cảm nhận mọi vật.

Biểu hiện của tình trạng bất phân ở trẻ sơ sinh là cảm xúc, cảm giác mang tính tràn lan không phân định. Ở giai đoạn này cảm xúc và cảm giác còn hỗn hợp, nội cảm lẫn át ngoại cảm. Nhưng ở vùng môi, miệng và họng là nơi mà một kích thích bên ngoài tạo ngay một phản ứng đặc trưng là tìm bú.

Quá trình tiến từ tiếp cảm gần đến tiếp cảm xa đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển. Tất cả những cảm giác kể trên đều chưa phân định rõ ràng, còn mang tính hỗn hợp và dính liền với cảm xúc dễ chịu hay khó chịu.

Theo Piaget thì khởi đầu, em bé mới sinh ra chưa thấy, chưa nghe, chưa cảm giác rõ gì ở bản thân. Trẻ không phân biệt được giữa đồ vật và bản thân trẻ. Không phân biệt những người khác nhau như mẹ và bản thân, mặc dù mặt người là yếu tố đầu tiên trẻ cảm nhận được. Đến 15-18 tháng khi trẻ có kinh nghiệm, các cảm giác mới phân hoá dần ra thành những cảm giác riêng biệt, tai nghe, mắt thấy, da cảm rõ, mũi ngửi...

Em bé sống trong thời kỳ cảm giác - vận động. Vận động càng được mở rộng, cảm giác càng được tổ chức. Như vậy, ấn tượng về thế giới xung quanh cũng tiến theo. Mới sinh em bé cựa quậy, ưỡn người, tứ chi duỗi ra, co lại, cơ bắp co thắt theo phản xạ. Dần dần qua kinh nghiệm, các vận động được phối hợp, kết lại thành hệ thống để thăm dò vùng mới.

## **2. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ hài nhi (từ 2 - 12 tháng tuổi) (1, 4)**

### ***2.1. Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi***

Cuộc sống của trẻ hài nhi hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn: Đó là người lớn cho ăn, người lớn cho mặc, người lớn tạo ra những ấn tượng bên ngoài cho trẻ thu nhận...

Do đó giao tiếp với người lớn là một nhu cầu bức thiết của trẻ. Sở dĩ có nhu cầu đó là do nhu cầu khách quan của cuộc sống trẻ em, đứa trẻ cần phải được sự chăm sóc thường xuyên của người lớn mới thỏa mãn được nhu cầu cơ thể, mặt

khác cũng lại do cư xử của người lớn, đã khơi dậy ở trẻ em những xúc cảm ban đầu.

Để cho trẻ cảm thấy dễ chịu, người lớn phải đáp ứng nhu cầu giao tiếp của trẻ. Nếu trẻ không nhận được sự khuyến khích tình cảm thì chúng trở lên thụ động và trong tương lai rất khó tiếp xúc với người khác, mà điều đó lại gây trở ngại lớn cho sự hình thành nhân cách sau này.

Trong phúc cảm hơn hở đã thể hiện rõ rệt thái độ xúc cảm tích cực của trẻ đối với người lớn. Trẻ rất vui mừng khi được giao tiếp với người lớn. Thái độ đó tiếp tục phát triển mạnh suốt trong tuổi kỳ hải nhi.

Giao tiếp trực tiếp với người lớn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển tâm lý của trẻ. Đặc biệt là về mặt xúc cảm. Giao tiếp là để thỏa mãn nhu cầu về người khác - Nhu cầu mang tính người sâu đậm. Khi giao tiếp, người lớn bế ẵm, trò chuyện hát hò cho trẻ nghe cũng là để khơi gợi lên ở trẻ những cảm xúc đầu tiên về con người.

Từ nhu cầu tiếp xúc da thịt của người lớn, trẻ cảm thấy dễ chịu khi được bế ẵm, được nép vào người lớn hoặc được hôn hít (được gọi là giao tiếp tiện nghi) đến khi giao tiếp thực sự với người lớn khi mà trẻ đã có phương tiện giao tiếp (chủ yếu là các cử động) là một bước phát triển rõ rệt từ tuổi sơ sinh đến tuổi hải nhi. Trong giao tiếp với người lớn, trẻ tiếp nhận được những sắc thái cảm xúc khác nhau của người lớn được biểu hiện qua nét mặt, giọng nói của họ rồi dần dần trẻ cũng biểu hiện được những xúc cảm khác nhau của mình. Trong quan hệ “mẹ - con” (nói rộng ra là người lớn với em bé) cả hai đều đắm mình trong quan hệ yêu thương ấy.

Vào khoảng tháng thứ 6 đến tháng thứ 8, trẻ xuất hiện một hiện tượng mới: Lúc có người lạ đến gần trò chuyện với em bé, bé không mỉm cười ngay như trước nữa mà tỏ ra sợ hãi, từ chối không muốn giao tiếp, có bé cúi mặt xuống, lấy tay che mặt hoặc chui đầu vào chăn hay la khóc ầm lên. Đây là một mốc quan trọng trong quá trình phát triển cảm xúc. Trong những ngày đầu của trẻ chỉ có phản ứng cảm xúc thô sơ.

Cùng với giao tiếp trực tiếp với người lớn, dần dần ở trẻ xuất hiện nhu cầu sờ mó, cầm nắm các đồ vật. Từ đó nhu cầu giao tiếp trực tiếp sẽ nhường chỗ cho giao tiếp qua đồ vật khi người lớn mang đến cho.

Trong khi hành động phối hợp với trẻ, người lớn có thể giúp trẻ biết hành động một cách hợp lý với đồ vật. Nhiều khi gặp khó khăn, trẻ lại muốn “cầu cứu” người lớn giúp đỡ như: khều quả bóng lăn vào gầm giường hay mở nắp ra khỏi hộp...

Nhờ hoạt động phối hợp với người lớn, ở trẻ nảy sinh khả năng bắt chước hành động của người lớn, khả năng này là điều kiện quan trọng để trẻ tiếp thu những điều dạy dỗ của người lớn, mở rộng vốn kinh nghiệm của trẻ.

Rõ ràng những hành động của người xung quanh đã ảnh hưởng đến sự hình thành những phẩm chất tâm lý của trẻ rất lớn. Việc bắt chước một người lớn nào

đó (thường là người nhà) khiến cho thái độ của trẻ đối với sự vật và với người xung quanh luôn luôn lệ thuộc vào thái độ người lớn đó. Người đó yêu thích thì trẻ cũng yêu thích. Như vậy là quan hệ của trẻ đối với hiện thực ngay từ đầu đã là quan hệ xã hội.

Trong quá trình giao tiếp, người lớn luôn luôn hướng dẫn, uốn nắn hành vi của trẻ. Nụ cười tỏ vẻ bằng lòng hoặc vẻ mặt cau có tỏ không đồng ý của người lớn khiến đứa trẻ có thể nhận ra hành vi của mình đúng hay không đúng. Bằng con đường đó, đứa trẻ dần hình thành được những thói quen tốt và học được cách ứng xử đúng đắn.

Tất nhiên trẻ chỉ sẵn sàng giao tiếp với người lớn khi nó cảm thấy an toàn và thoải mái về tình cảm, người lớn càng gợi ra nhiều cảm xúc để chịu bao nhiêu thì đứa trẻ càng thích giao tiếp bấy nhiêu. Những em bé này thường ở trạng thái buồn rầu, ủ dột, ngại giao tiếp do đó rất chậm phát triển.

Rõ ràng trong suốt một thời kỳ hài nhi nếu không có sự tiếp xúc với người lớn thì sự phát triển tâm lý của trẻ sẽ không thực hiện được. Giao tiếp với người lớn được coi là điều kiện tiên quyết để trẻ lớn lên thành người.

## ***2.2. Sự phát triển vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh***

“Ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi” có thể coi là sự đúc kết của nhân dân ta về quá trình phát triển, vận động từ thấp đến cao của đứa trẻ trong năm đầu tiên. Cùng với sự vận động ấy, đứa trẻ còn biết sờ mó, cầm nắm các đồ vật xung quanh rồi hành động với chúng như ném xuống đất, hoặc gõ vào nhau... tất cả các vận động và hành động đó (Manipulation) là bậc thang đầu tiên để dần dần trẻ có thể nắm được những hình thức, hành vi của con người.

Sự tiến bộ của những vận động và hành động của trẻ hoàn toàn phụ thuộc vào sự hướng dẫn của người lớn. Nếu người lớn thường xuyên chú ý tới trẻ và tổ chức hành động cho trẻ thì việc di chuyển trong không gian (như bò, đi chập chững...) và việc cầm nắm các đồ vật và hành động với chúng có những bước tiến bộ rõ rệt và đóng vai trò tích cực trong sự phát triển tâm lý.

Bò là các vận động đầu tiên của trẻ. Khoảng chừng 7 - 8 tháng trẻ bắt đầu biết bò. Lúc này trẻ cố gắng vươn tới đồ vật đang thu hút nó. Thoạt tiên là trườn, sau đó bò lom còm cả hai chân, hai tay. Trước khi biết đi, trẻ phải trải qua một thời gian dài để học cách đứng dậy trên hai chân có vịn, rồi không cần vịn tay, đi men rồi sau đó chập chững từng bước một. Quá trình này không diễn ra một cách tự nhiên mà rất cần sự giúp đỡ của người lớn. Thông thường trẻ không tự đi mà dễ thích nghi với động tác bò (là hình thái vận động đặc trưng của động vật). Vì vậy người lớn cần tán thưởng thường xuyên khi trẻ học đi để việc đi theo tư thế đứng thẳng được thẳng thớm.

Trong những tháng đầu tiên, trẻ khám phá môi trường xung quanh bằng thị giác, thính giác và cả vị giác. Sau tháng thứ ba, trẻ bắt đầu dùng hai tay để sờ mó đồ vật. Hai bàn tay tạo ra những ấn tượng xúc giác về đồ vật, giúp cho trẻ biết được vài đặc tính đơn giản của chúng.

Đến tháng thứ tư trẻ bắt đầu nắm lấy đồ vật. Nhiều khi trẻ nắm chắc trong tay một đồ vật hồi lâu, tuy trẻ vẫn chưa làm chủ hoàn toàn hành động nắm.

Từ tháng thứ sáu trở đi thì hành động nắm được cải thiện hơn, bàn tay hướng về đồ vật, ngón tay cái đối lập với các ngón tay khác, nhờ đó trẻ đã cầm đồ vật bằng các ngón tay. Càng về cuối năm động tác nắm càng chính xác hơn. Vị trí của các ngón tay dần dần thích hợp với các kiểu đồ vật (Quả bóng được cầm với những ngón tay xoè rộng, khi cầm khối vuông thì các ngón tay đặt theo gờ cạnh).

Chỉ khi trẻ bắt đầu thực hiện các vận động và thao tác với đồ vật thì các giác quan của trẻ phát triển mạnh hơn và có thêm nhiệm vụ mới là bắt đầu điều khiển, điều chỉnh đôi chút những vận động và thao tác của trẻ.

Có thể nói rằng định hướng của trẻ vào thế giới xung quanh trước hết bằng sự vận động và thao tác với đồ vật, trên cơ sở đó mà làm phát triển của quá trình tâm lý, rồi sau mới có sự định hướng bằng các quá trình tâm lý.

Ta có thể nhìn thấy đứa trẻ làm quen với không gian như thế nào qua cách trẻ hoàn thiện những cử động của cánh tay hướng về một đồ vật mà nó thích thú.

Quá trình cầm, nắm bằng tay với đồ vật, giúp trẻ biết được các thuộc tính khác nhau của chúng như hình dáng, trọng lượng, độ dày, độ cứng.....do đó trẻ có thể thay đổi các ngón tay cho thích hợp với các đồ vật ấy. Vậy là đồ vật đã “bắt buộc” bàn tay và sau đó là cả mắt nữa phải tính đến các đặc tính của nó.

Từ khi trẻ biết hướng tới kết quả của động tác với các đồ vật thì cũng đồng thời phát hiện được những thuộc tính của chúng, đồ vật có thể di chuyển, có thể rơi, có thể phát thành tiếng, có thể bóp méo, cứng hay mềm, gộp lại gần nhau hay tách xa nhau v.v.. Nhưng trẻ chỉ biết được tính chất này khi đang thao tác với các đồ và nếu ngừng lại thì “kiến thức” ấy cũng sẽ biến mất.

Về cuối năm, sau khi đã nhiều lần thao tác với đồ vật và nhiều tuần ghi lại ấn tượng về nó thì lúc đó đồ vật mới bắt đầu trở thành một sự tồn tại thường xuyên trong thế giới xung quanh với những thuộc tính ổn định.

Cần chú ý quá trình phát triển vận động, thao tác với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh tự trẻ không thể thực hiện được mà phải có sự hướng dẫn, kích thích bằng tình cảm, trí tuệ của người lớn.

Nhờ người lớn hướng dẫn, tổ chức sự vận động và thao tác với đồ vật, đứa trẻ có những biểu tượng đầu tiên về thế giới xung quanh làm xuất hiện những hình thái đầu tiên của hoạt động tâm lý giúp trẻ định hướng được vào thế giới và tạo nên những tiền đề để trẻ tiếp nhận những loại kinh nghiệm lịch sử - xã hội khác nhau ở những giai đoạn sau này.

### ***2.3. Hình thành những tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ***

Nhu cầu giao tiếp với người lớn và sự định hướng vào môi trường xung quanh ngày càng tăng đã làm nảy sinh khả năng nói năng ở trẻ. Khi giao

tiếp, trẻ bắt chước những âm thanh trong lời nói của những người xung quanh.



Cuộc “chuyện trò” giữa người lớn với trẻ hài nhi khi nhìn bề ngoài tưởng chừng như vô nghĩa, nhưng thực ra nó đã kêu gọi ở đứa trẻ trạng thái cảm xúc tích cực. Sự thích thú được giao tiếp với người lớn và bắt đầu có những phản ứng lại với sắc thái tình cảm khác nhau trong lời nói của người lớn. Trẻ thường nhoẻn miệng cười khi nghe thấy những âm thanh vui vẻ và thường mếu máo khi nghe những âm thanh dữ tợn như mắng mỏ, quát tháo.

Càng về cuối năm đứa trẻ càng thích được giao tiếp với người lớn hơn, thông qua âm bập bẹ của mình. Nếu được người lớn đáp ứng thì đứa trẻ càng thích thú phát ra nhiều âm thanh bập bẹ hơn. Âm bập bẹ này có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự phát triển ngôn ngữ sau này. Trong tiếng bập bẹ trẻ học cách sử dụng môi, lưỡi và hơi thở để chuẩn bị cho việc học nói.

Sự thông hiểu lời nói của trẻ xuất hiện trên cơ sở của sự phối hợp hoạt động của tri giác nhìn, nghe. Quá trình dạy trẻ thông hiểu lời nói thường diễn ra như sau: Người lớn hỏi trẻ “Cái gì đó, ở đâu ?” như “Mẹ đâu?”, “Bố đâu?”, “Con mèo đâu?” v.v.. những câu hỏi đó gây ra ở trẻ phản ứng định hướng, đứa trẻ bắt đầu tìm kiếm, lúc đầu người lớn cần chỉ ra đối tượng cho trẻ nhìn thấy. Sau đó cần lặp đi lặp lại nhiều lần quá trình đó, kết quả là hình thành được mối liên hệ giữa các âm thanh trong câu hỏi và đối tượng mà người đó chỉ ra.

Lúc đầu, trẻ hài nhi nghe ngôn ngữ như nghe âm thanh nào đó. Ngữ âm là yếu tố đầu tiên quyết định thái độ phản ứng của trẻ cũng tức là quyết định sự hiểu ngôn ngữ của trẻ. Chẳng hạn khi người lớn nói với trẻ câu “lại đây với bác!” với ngữ điệu nặng nề, như giận dữ thì đứa trẻ tỏ ra sợ hãi, mếu máo hoặc oà khóc. Nhưng vẫn câu “Lại đây với bác” mà nói với trẻ bằng ngữ điệu trêu mếu, âu yếm thì đứa trẻ nhoẻn miệng cười và đưa tay ra.

Cuối tuổi hài nhi, mối liên hệ giữa tên đối tượng và bản thân đối tượng trở nên rõ ràng và phong phú hơn. Đó là hình thức đầu tiên của sự thông hiểu ngôn ngữ. Lúc này trẻ có thể chỉ ra đúng đối tượng mà người lớn hỏi.

Như vậy trong quá trình tiếp xúc trực tiếp với người lớn, sự thông hiểu ngôn ngữ của trẻ dần dần mang tính chất tích cực hơn và trở thành một trong những phương tiện quan trọng để mở rộng khả năng giao tiếp của trẻ với những người xung quanh.

Tóm lại, sự phát triển của trẻ trong năm đầu tiên song song với việc tiến tới độc lập về mặt sinh học của con người, ở giai đoạn này chủ yếu là tạo ra những tiền đề rất cần thiết để sau này hình thành nên những chức năng tâm lý của con người.

### **3. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ từ 12 tháng đến 24 tháng (1)**

#### **3.1. Đặc điểm vô thức**

##### **3.1.1. Những đặc điểm của vô thức**

Đối với trẻ ở đầu tuổi ấu nhi hướng phản ứng và hành vi phản ứng thể hiện tính không xác định. Nhờ có điểm này mà người lớn có thể tập cho trẻ chế độ sinh hoạt theo hướng của mình.

Phản ứng và hành vi vô thức của trẻ không mang tính tự chọn. Nhờ có đặc điểm này mà người lớn có thể thay đổi đối tượng khi cho trẻ tiếp xúc với đồ vật phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.

Phản ứng và hành vi vô thức của trẻ gắn với sự phát triển các nhu cầu cơ bản của cơ thể trẻ. Nhờ có đặc điểm này mà người lớn sẽ hình thành hay xoá bỏ một hành vi nào đó.

Trẻ rất linh hoạt, mềm dẻo để thay đổi hành vi phản ứng phù hợp với các quan hệ xã hội của con người.

Dựa vào 4 đặc điểm vô thức nêu trên, chúng ta có thể xây dựng cho trẻ những hành vi, hành động, những phản ứng tích cực giúp cho trẻ hình thành sự thích nghi với cuộc sống.

### *3.1.2. Mục tiêu xây dựng hành vi ý thức.*

- Xây dựng chế độ sinh hoạt hợp lý.
- Tổ chức hướng dẫn cho trẻ hành động với đồ vật
- Người lớn cần biết thoả mãn những nhu cầu gắn bó một cách có điều độ cho trẻ.

### *3.1.3. Những biểu hiện của vô thức.*

Ở giai đoạn này biểu hiện của vô thức ở trẻ rất phong phú chủ yếu được biểu hiện ở một số điểm sau:

- Ăn, uống, ngủ
- Trẻ vui chơi.
- Biểu hiện khi trẻ đi vệ sinh
- Trẻ tập nói.

## **3.2. Đặc điểm về hoạt động và giao tiếp**

### *3.2.1. Đặc điểm về hoạt động*

Một trong những đặc điểm cơ bản nhất trong hoạt động của trẻ ở giai đoạn này hoạt động với đồ vật có sự hướng dẫn của người lớn. Đây là hoạt động giúp trẻ hiểu biết về thế giới xung quanh. Khi hoạt động trẻ không chỉ nắm được tên của đối tượng, chức năng và phương thức hành động với đối tượng mà trẻ còn có những hành vi ứng xử xã hội đối với những đối tượng mà trẻ tiếp xúc.

Trẻ đã biết sử dụng một số câu ngắn, một số từ ngữ để biểu đạt “suy nghĩ” của mình. Giao tiếp của trẻ trong giai đoạn này thường hướng vào người lớn để học theo cách nói của người lớn, bên cạnh đó trẻ cũng biết biểu lộ sự thích thú, chán nản, hờn giận hay vui sướng bằng ngôn ngữ đối với những người xung quanh.

### *3.2.2. Cơ chế tâm lý của hoạt động vui chơi và giao tiếp*

Vui chơi của trẻ hoàn toàn do các xung lực bản năng kích thích. Do vậy mà hoạt động với đồ vật của trẻ không có mục đích đặt ra. Trẻ sẽ chơi với bất kì đồ

vật nào nếu trẻ bắt gặp.

Trong khi chơi với đồ vật đứa trẻ sẽ huy động đồng thời các hành vi vào cuộc chơi như: dùng cả tay, miệng, chân...

Đặc trưng cơ bản trong vui chơi ở trẻ là việc trẻ tìm hiểu đồ vật xung quanh, tập dượt các chức năng của hoạt động sinh lý thần kinh, tập làm quen với các đồ vật do con người tạo ra.

Bản chất của hoạt động vui chơi của trẻ mang tính xã hội.

\* Cơ chế tâm lý của hoạt động vui chơi:

Nhập tâm → Đồng hoá → Bất chúc.

### **3.3. Đặc điểm về các nhu cầu**

#### *3.3.1. Nhu cầu dinh dưỡng*

Nhu cầu dinh dưỡng đối với trẻ 12 - 24 tháng tuổi vẫn là nhu cầu cơ bản, đảm bảo sự phát triển về mặt sinh lý cho trẻ.

#### *3.3.2. Nhu cầu giao tiếp*

Nhu cầu giao tiếp không chỉ dừng lại ở quan hệ mẹ con như nhu cầu gắn bó mà trẻ con tiếp xúc và biểu lộ phản ứng với nhiều người, nhiều lứa tuổi khác nhau, ở những khung cảnh thời gian và không gian khác nhau...

Nhu cầu giao tiếp phải theo những ước lệ nhất định muốn xin bạn cái gì phải biết đưa tay, muốn được nhận cái gì phải biết nói “ạ!”.

Nhu cầu giao tiếp đòi hỏi phải có hành vi ứng xử khác nhau, không giống nhau ở các lứa tuổi.

Nhu cầu giao tiếp không chỉ dừng lại ở cảm xúc tương lực cơ bắp như nhu cầu gắn bó mà còn chịu sự tác động toàn diện vào các giác quan, nhận thức và còn thỏa mãn các nhu cầu nhận thức, an toàn, dinh dưỡng, vui chơi.

#### *3.3.3. Nhu cầu vui chơi*

Đặc trưng lớn nhất bao trùm toàn bộ tuổi từ 12 - 24 tháng là vui chơi hành động với đồ vật. Đồ vật là đối tượng hoạt động ở trẻ. Hành động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của độ tuổi này. Hành động với đồ vật mà trẻ chưa có “vốn kinh nghiệm” nào về đồ vật đó, do vậy trẻ phải tiến hành nhiều thao tác, cử động cầm, nắm, rung, lắc... nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Biểu tượng về các thao tác trật tự của hành vi, hành động được trẻ “nhập tâm”, “chương trình hóa” trong đầu của trẻ.

Hành động với đồ vật tạo ra những khoái cảm đặc biệt bắt nguồn từ cảm xúc cơ bắp, từ sự hấp dẫn kích thích của chính hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị... Đây là nguồn gốc nảy sinh các xúc cảm và những sắc thái phức tạp của chúng. Hành động với đồ vật trẻ tập được những hành vi ướm xử của con người đối với thế giới đồ vật.

#### *3.3.4. Nhu cầu nhận thức*

Ở giai đoạn này nhận thức của đứa trẻ về thế giới bắt đầu phát triển thông

qua việc trẻ tiếp xúc, hành động với đồ vật. Nhận thức của trẻ có được là trẻ nhận thức thụ động các đối với các đối tượng, các vật thể xung quanh do người lớn mang lại. Bên cạnh đó trẻ cũng đã nhận thức một cách chủ động về các đối tượng khi trẻ bắt gặp hay tìm hiểu.

Trẻ nhận thức chủ động về các sự vật thông qua việc trẻ tiếp xúc khám phá các đồ vật để tìm ra chức năng phương thức hành động với từng đồ vật. Nhận thức của trẻ ở giai đoạn này vừa đi sâu vào chi tiết vừa có tính khái quát do ngôn ngữ của trẻ đã được hình thành.

### ***3.4. Đặc điểm của một số chức năng tâm lý***

#### ***3.4.1. Chú ý***

Chú ý của trẻ phát triển khá sớm đặc biệt là thời gian tập trung chú ý được tăng lên theo thời gian. Khoảng 1 tuổi trẻ có thể tập trung chú ý vào những đồ chơi hấp dẫn từ 3 - 10 phút. Vào cuối năm thứ 2 trẻ có thể chú ý không chỉ vào sự hấp dẫn của đồ vật mà còn tích cực hành động hướng tới những đồ vật mới.

Ở giai đoạn này trẻ đã biết tập trung chú ý vào ngôn ngữ của người lớn để phát triển khả năng nghe và khả năng giao tiếp. Dần dần âm thanh ngôn ngữ có thể hướng dẫn trẻ hành động, thực hiện các thao tác hành vi, hành động theo sự hướng dẫn của người lớn.

#### ***3.4.2. Ngôn ngữ***

Từ 12 - 18 tháng tuổi ngôn ngữ của trẻ đơn giản, vốn từ ít thường là những từ đơn. Từ 18 - 24 tháng tuổi vốn từ của trẻ tăng lên nhanh chóng và trẻ có thể sử dụng các từ ghép.

Ngôn ngữ của trẻ tăng lên với hoàn cảnh cụ thể, với hành động, với đồ vật, sự kiện. Ngôn ngữ của trẻ đã biểu hiện những xúc cảm và cũng đã thực hiện chức năng “ký hiệu tượng trưng”

#### ***3.4.3. Trí nhớ***

Khối lượng biểu tượng, hình ảnh trong trí nhớ tăng lên một cách mau chóng do trẻ có khả năng tự vận động và trẻ hành động với các đồ vật phong phú, đa dạng. Ở giai đoạn này trí nhớ cảm xúc và trí nhớ hình ảnh cũng xuất hiện. Cuối giai đoạn này trẻ có thể gìn giữ và tái hiện đúng những âm thanh, những nội dung của từ. Trí nhớ hành động thao tác chiếm ưu thế hơn cả vì trẻ đã hành động với các đồ vật phong phú, đa dạng.

#### ***3.4.4. Tư duy***

Cùng với sự phát triển của trí nhớ, ngôn ngữ, chú ý thì tư duy của trẻ cũng bắt đầu được hình thành. Nó dựa vào 2 đặc điểm cụ thể:

- + Sự tác động trực tiếp của các sự vật, hiện tượng vào các giác quan.
- + Sử dụng phương tiện hành động thực tiễn để giải quyết các tình huống.

Từ 2 đặc điểm này người ta gọi tư duy của trẻ ở giai đoạn này là loại tư duy hành động trực quan hay tư duy bằng tay.

#### **4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ từ 24 tháng đến 36 tháng**

##### **4.1. Đặc điểm vô thức**

Ở trẻ đã có một số thói quen, hành vi; đã hình thành một số biểu tượng về sự vật hiện tượng và trật tự hành động mà trẻ tích lũy được thông qua nhận thức cảm tính. Cho nên việc định hướng hành vi cho trẻ ở giai đoạn này vô cùng quan trọng. Hành vi vô thức đem lại vẫn là sự khoái cảm cho bản thân.

##### **4.1.1. Biểu hiện ban đầu của hướng đi vô thức**

Trẻ đã có một số nhận thức ban đầu về việc làm chủ đồ chơi của mình, biết gọi tên về một số đồ vật quen thuộc, biết chủ động trong việc đi vệ sinh... Ở trẻ đã có một số thói quen hành vi được hình thành.

Trẻ đã biết biểu lộ cảm xúc, kìm nén cảm xúc khi người lớn giải thích. Đây chính là lúc người lớn dạy cho trẻ những nét về hành vi nhân cách.

##### **4.1.2. Những điều kiện xuất hiện ý thức ở trẻ**

Trẻ phát triển một cách bình thường về mặt sinh lý.

Trẻ có một số kinh nghiệm, một số hiểu biết về trật tự các hành vi.

Có môi trường phát triển thuận lợi

Tích cực tham gia vào các hoạt động vui chơi, giao tiếp, nhận thức.

##### **4.2. Sự hình thành ý thức và tự ý thức**

##### **4.2.1. Cơ chế tâm lý của sự hình thành ý thức**

- Cuộc sống của trẻ diễn ra theo một chuỗi các hoạt động và giao tiếp đan xen, kế tiếp nhau và hầu hết các thông tin, tín hiệu từ môi trường bên ngoài tác động vào các giác quan của trẻ được lặp đi lặp lại thường xuyên nó trở nên ổn định. Đây chính là nền tảng của sự xuất hiện ý thức ở trẻ. Vì vậy nguồn gốc của ý thức bắt đầu từ vô thức nó được diễn ra theo công thức sau:

$$\text{Vô thức} + \text{Thói quen, nếp sống, hành vi ổn định} = \text{ý thức}$$

Tuy nhiên sự hình thành ý thức của trẻ không phải là phép cộng đơn giản của Vô thức Thói quen, nếp sống, hành vi ổn định mà đó là quá trình chuyển hóa phức tạp của sự vận động tích cực của chính bản thân đưa trẻ trong một môi trường lành mạnh.

##### **4.2.2. Những dấu hiệu xuất hiện ý thức ở trẻ.**

Chủ động trong việc đi vệ sinh. Trẻ làm chủ được các thao tác hành vi, phản ứng của mình phù hợp với những đòi hỏi của những người xung quanh, môi trường mà trẻ sống hoạt động tích cực ở đó.

##### **4.3. Đặc điểm về hoạt động và giao tiếp**

##### **4.3.1. Đặc điểm về hoạt động**

Hoạt động vui chơi với đồ vật vẫn là hoạt động chủ đạo ở giai đoạn phát triển này. Nó mang tính đa dạng và phong phú hơn giai đoạn trước (4). Có thể xếp

một số hoạt động vui chơi ở giai đoạn này như sau:

- + Trò chơi vận động
- + Trò chơi với đồ vật
- + Trò chơi với âm thanh
- + Trò chơi thâu lượm

Mục đích vui chơi chưa rõ ràng, những mẫu hành động chưa nằm trong mục đích vui chơi. Hành động của trẻ với đồ vật thực hiện theo nguyên tắc “Thử - Lỗi”. Trẻ mới bắt đầu ưa thích chơi cùng bạn, nhưng trẻ chưa có tình thân hợp tác mà chỉ chơi một mình với đồ vật của mình.

#### *4.3.2. Đặc điểm về giao tiếp*

Nhu cầu giao tiếp với nhóm bạn cùng tuổi còn yếu, trẻ chủ yếu muốn thực hiện giao tiếp với những người lớn xung quanh. Ở trẻ xuất hiện “khủng hoảng” tuổi lên 3 vì thế trong giao tiếp luôn lấy mình làm trung tâm. Đây là một hiện tượng của tính tự kỷ. Trong khi tiếp xúc với đồ vật trẻ đã biết “nhân cách hóa” các đồ vật.

### *4.4. Đặc điểm của một số chức năng tâm lý*

#### *4.4.1. Chú ý*

Thời gian chú ý của trẻ ngắn và không bền vững. Vì thế chú ý của trẻ bị phân tán, dễ bị dao động và dễ bị di chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác không rõ nguyên nhân.

Tính không chủ định trong chú ý cao cho nên trẻ khó có thể điều khiển khả năng chú ý của mình.

Khối lượng chú ý còn hạn chế và trẻ chưa có khả năng di chuyển chú ý theo ý muốn của bản thân.

#### *4.4.2. Ngôn ngữ*

Ngôn ngữ của trẻ phát triển rất nhanh, phát triển trên tất cả các bình diện. Vốn từ tăng nhanh từ vài chục đến vài trăm từ. Các nhà tâm lý cho rằng đây là giai đoạn “phát cảm ngôn ngữ” của con người. Do sự phát triển của não bộ đặt biệt là cấu trúc chức năng của trung khu thần kinh nghe, hiểu ngôn ngữ và điều khiển vận động ở vỏ não đạt ở một trình độ nhất định nên các chức năng ngôn ngữ như nghe, thông báo, biểu cảm... được trẻ tập và sử dụng khá tốt.

#### *4.4.3. Nhận thức*

Tri giác: Tri giác hình dáng và tri giác kích thước đồ vật phát triển. Trẻ cũng đã tri giác được không gian và thời gian, tuy còn rất hạn chế.

Trí nhớ: trẻ đã biết sử dụng nhiều giác quan để ghi nhớ. Trẻ nhận lại những đồ vật quen thuộc và đã nhớ lời nói kèm với các thao tác, hành vi đơn giản

Tư duy: cùng với việc biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp và hành động với đồ vật để nhận thức thì tư duy của trẻ cũng ra đời. Đây là giai đoạn tư duy trực quan

- hành động.

Tưởng tượng: Ở giai đoạn này tưởng tượng cũng xuất hiện dựa trên nền tảng của những biểu tượng và các sự vật, đồ chơi. Tưởng tượng của trẻ phản ánh không đầy đủ, thiếu hụt, méo mó về hiện tượng khách quan; hình ảnh tưởng tượng dựa trên quan điểm của người lớn nó mang tính bịa đặt, chủ quan.

#### 4.4.4. Tình cảm

Xúc cảm và tình cảm của trẻ ở giai đoạn này được phát triển trên nền tảng của 2 yếu tố: Trẻ có thể tự vận động và ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ được mở rộng.

Trẻ đã biết bộc lộ trạng thái về xúc cảm khi trẻ đạt được kết quả trong vui chơi và giao tiếp với mọi người.

Ở trẻ đã xuất hiện tình cảm thẩm mỹ, trẻ đã phản ứng xúc cảm với lời ru, âm thanh, tranh ảnh.

#### 4.4.5. Ý chí

Hướng hành vi, hành động của trẻ ngày càng được xác định, đòi hỏi đứa trẻ phải cố gắng tập trung năng lực vào một số các hành động vui chơi với đồ vật để hành động này đạt được hiệu quả cao.

---

## TÓM TẮT BÀI HỌC

Nội dung bài học đề cập đến sự phát triển tâm lý của trẻ dưới 3 tuổi. Lứa tuổi 0-3 tuổi cần quan tâm đến vai trò của các phản xạ không điều kiện, hoạt động của các giác quan và một số chức năng tâm lý khác như: tư duy, ngôn ngữ, trí nhớ... Vì vậy trong quá trình chăm sóc-giáo dục trẻ từ 0-3 tuổi, người dạy trẻ cần chú ý đến sự phát triển vận động và hành động với đồ vật và những tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ được hình thành ở trẻ ở giai đoạn này.

## BÀI TẬP

**Câu hỏi 1.** Sự khác nhau căn bản giữa trẻ sơ sinh và con vật non là gì?

**Câu hỏi 2.** Các nhu cầu sinh học (về ăn uống, về nhiệt độ...) có phải là tiền đề của sự phát triển tâm lý của trẻ không?

**Câu hỏi 3.** Sự gắn bó của trẻ với người lớn giữ vai trò như thế nào trong sự phát triển của trẻ?

**Câu hỏi 4.** Phân tích dấu hiệu ngôn ngữ ở trẻ 0-3 tuổi, nêu rõ vai trò của người lớn?

**Bài tập thảo luận:** Tại sao nói: Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ 2-15 tháng?

### BÀI 3: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ MẪU GIÁO (TRẺ TỪ 3 - 6 TUỔI)

Mã bài: 23080006-03

Nguyễn Thị Cúc

#### GIỚI THIỆU

Nội dung bài 3 giới thiệu những kiến thức tâm lý của trẻ từ 3 đến 6 tuổi như: đặc điểm phát triển về tâm vận động của trẻ mẫu giáo, đặc điểm phát triển nhân cách, đặc điểm phát triển về trí tuệ của trẻ mẫu giáo.

#### MỤC TIÊU

- Phân tích được đặc điểm tâm lý nổi bật của trẻ 3-6 tuổi.
- Thiết kế được các hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ từ 3 đến 6 tuổi.
- Chủ động tìm hiểu các đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo. Tích cực vận dụng các phương pháp chăm sóc, giáo dục phù hợp với từng độ tuổi và từng điều kiện thực tiễn nơi công tác.

#### NỘI DUNG

##### 1. Đặc điểm phát triển tâm lý, vận động (tâm vận động)

###### 1.1. *Khái niệm: tâm vận động, sự phát triển tâm vận động.*

Tâm vận động chỉ những mối quan hệ tương hỗ giữa những vận động của cơ thể và đời sống tâm lý con người.(3) Ví dụ: Vận động **đi** sẽ ảnh hưởng đến khả năng **tri giác** của trẻ.

Khái niệm tâm vận động thường bao hàm những mối quan hệ của ba mặt: sự hiểu biết về trí tuệ - sự nhạy cảm về tình cảm - sự tinh khéo của cơ thể. Tâm vận động chỉ rõ vai trò của cơ thể đối với sự tồn tại và phát triển của con người. Tâm vận động là một phương thức thực hiện mối quan hệ qua lại giữa con người với thế giới, qua đó làm phát triển năng lực con người. *Vậy phát triển tâm vận động chính là sự tăng trưởng và thành thực về các vận động và tâm lý của con người.*



Hình 3.1. Ảnh minh họa: Quá trình phát triển tâm vận động của trẻ  
(nguồn internet)



## **1.2. Những thành tố cơ bản của tâm vận động**

### **1.2.1. Sự phát triển về vận động**

Đến tuổi mẫu giáo, trẻ đã có khả năng vận động hài hoà. Di chuyển nhanh nhẹn, trẻ đi vững và có khả năng cân bằng tốt. Sự phối hợp tay - chân đã phát triển và nhịp nhàng. Trẻ lên xuống cầu thang dễ dàng, nhanh nhẹn và có thể thao tác tay một cách khá khéo léo. Từ 3 tuổi trẻ đã có thể tự uống nước, tự xúc ăn. Khả năng cầm nắm phát triển, trẻ có thể nắm thìa bằng ngón cái và ngón trỏ.

Một đặc trưng chủ yếu của động tác, cử chỉ của trẻ đầu tuổi mẫu giáo là tính tự phát và tự nhiên. Đây chính là thời kỳ mà những điệu bộ, động tác của trẻ được thể hiện một cách tự nhiên, thoải mái. Tính tự phát về vận động được thể hiện trong các hoạt động khám phá môi trường của trẻ và nó có lợi cho sự phát triển vận hành (*vận hành là một tổng thể phản ứng vận động được phối hợp lại để thực hiện hành động có hiệu quả*). Dần dần tính tự phát sẽ mất đi (khi trẻ lên 4 tuổi) cùng với những khám phá của trẻ, cùng với việc phát triển sự nhận thức về mục đích hành động cần đạt được và trẻ bắt đầu tính đến hiệu quả của những tác động cả nó tới người khác, tới đồ vật.

Sự phát triển về vận hành giúp chức năng điều chỉnh vận động, hành động trở nên linh hoạt hơn. Từ đó, trẻ thu được những thông tin ngày càng chính xác hơn về môi trường. Sự phát triển khả năng điều chỉnh hành động, vận động là hệ quả của sự phát triển những hiểu biết, kinh nghiệm, những cấu trúc cảm giác - vận động và không thể không kể đến sự phát triển của chức năng tượng trưng ở trẻ.

Do sự phát triển khả năng ức chế của não, phát triển khả năng kiểm soát trương lực, ở tuổi này, cử chỉ, động tác, hành động của trẻ ít động tác thừa hơn. Khoảng 4 - 5 tuổi, vận động của trẻ trở nên hài hoà và nhịp nhàng. Đây thực sự là một biểu hiện của sự hoàn thiện về mặt vận động. Việc tham gia vào các trò chơi và nhất là tham gia vào các tình huống hiện thực của cuộc sống rất có lợi cho sự phát triển vận động của trẻ.

### **1.2.2. Khả năng phân hóa thuận nghịch phải trái**

Phân hóa thuận nghịch phải - trái, còn gọi là phân hóa ưu thế thuận của cơ thể, là ưu thế trội một bên của hai phần đối xứng của cơ thể đưa đến việc sử dụng thiên về một phía, xác định sự thuận phải hoặc trái.

Sự thuận nghịch phải - trái bị chi phối bởi nhiều yếu tố, nguyên nhân khác nhau: về sinh lý; về bẩm sinh - di truyền; những yếu tố về văn hóa, giáo dục; những yếu tố tâm lý gia đình, tình cảm, sự luyện tập và hoạt động của chính đứa trẻ.

Sự phân hóa thuận nghịch phải - trái của cơ thể có vai trò quan trọng trong sự phát triển của đứa trẻ. Điều đó được biểu hiện ở số điểm sau:

- Ảnh hưởng tới nhận thức của đứa trẻ về chính bản thân mình, một yếu tố chủ yếu của sự hình thành nhân cách.
- Là cơ sở của sự định hướng, phân biệt phải - trái, một thành phần của sự định hướng không gian.

- Ảnh hưởng lớn đến việc học tập của trẻ, cụ thể là học đọc, học viết và học tính toán

### 1.2.3. Khả năng nhận biết về không gian, thời gian

Cấu trúc hóa không gian chính là sự định hướng, sự cấu trúc hóa thể giới bên ngoài. Đứa trẻ luôn ở trong một không gian nhất định, ở đó đứa trẻ phải biết được vị trí của mình, biết xác định vị trí giữa các vật với nhau, biết sự tổ chức sắp đặt bản thân trong không gian mình ở. Sự cấu trúc hoá không gian không thể thiếu trong việc giữa con người sống và hoạt động bình thường.

Đứa trẻ định hướng và cấu trúc hoá không gian nhờ vào chính cơ thể của nó. Sau khi đã nhận ra cơ thể mình, trẻ xác định vị trí của nó trong mối liên quan với các đối tượng xung quanh, tạo dựng quan hệ giữa vận động của nó với những biến đổi của thế giới. Như vậy, khả năng định hướng, cấu trúc hoá không gian có liên quan chặt chẽ với khả năng hiểu biết về cơ thể.

Thế giới không gian của trẻ được tạo dựng cùng với sự phát triển cảm giác - vận động. Trẻ tri giác không gian dựa trên những kinh nghiệm cơ thể. Không gian của trẻ có hạn và có liên quan với những ấn tượng mà trẻ có được khi tiếp xúc với cơ thể của mẹ qua vòng tay ôm ấp. Vì với trẻ nhỏ, giữa môi trường và cơ thể không khác biệt là mấy.

Tuổi mẫu giáo là thời kỳ trẻ phát triển khả năng nhận biết những đặc điểm của không gian. Từ độ tuổi này, trẻ biết dùng những từ như xa, gần, cao, thấp, trước, sau... Đây là những khái niệm để biểu thị không gian, những khái niệm này được tạo ra trước hết nhờ vào cơ thể bản thân, lấy cơ thể bản thân làm gốc đối chiếu vào không gian. Để định hướng được vào không gian, con người phải dựa vào một hệ toạ độ nhất định. Với trẻ em, hệ toạ độ chính là trục của cơ thể nó. Với 3 trục cơ bản: thẳng đứng, chính diện và nằm ngang của cơ thể, trẻ định hướng cho bản thân và mọi vật trong thế giới xung quanh.

- Tương ứng với vị trí thẳng đứng của cơ thể sẽ có khái niệm: trên - dưới, cao thấp.

- Tương ứng với phương chính diện sẽ có khái niệm: trước - sau.

- Tương ứng với phương nằm ngang sẽ có khái niệm: phải - trái.

Sự định hướng, cấu trúc hoá thời gian là khả năng tự xác định vị trí của bản thân theo sự tiếp diễn của các sự kiện, sự kéo dài của những khoảng cách thời gian, sự thay đổi chu kỳ thời gian và tính chất không đảo ngược của thời gian.

Đối với trẻ em, sự phát triển khả năng này luôn gắn liền với hoạt động của trẻ. Cùng với cấu trúc hoá không gian, định hướng và cấu trúc hoá thời gian là những yếu tố hàng đầu giúp con người có thể thích ứng với môi trường.

Khả năng định hướng và cấu trúc hoá thời gian là khả năng khó, những khái niệm về thời gian là những khái niệm mang tính trừu tượng, làm cho trẻ khó nắm bắt được. Thời gian gồm hai loại: *thời gian chủ quan* do ấn tượng của chúng ta, thay đổi tùy người và tùy vào tính hướng của hoạt động; *thời gian khách quan* là loại thời gian được quy ước theo cách tính của toán học (1 phút có 60 giây, 1 giờ

có 60 phút).

Nhịp thời gian có trước hết là trong chính nhịp của các hoạt động sinh học của cơ thể đứa trẻ, trong những vận động của nó. Sự cảm nhận về nhịp thời gian thông qua vận động của cơ thể giúp trẻ có được những tri giác ban đầu về thời gian. Tuy nhiên, đến 5 tuổi, khả năng thống hiểu về trật tự thời gian ở trẻ vẫn không chắc chắn.

Trẻ nhận ra ngày dễ hơn là tuần, tháng và mùa. Trong ngày nhận ra buổi sáng và tối sẽ tốt hơn là trưa và chiều. Khái niệm về tuần, các ngày trong tuần, các tháng trong năm còn mờ nhạt, thiếu chính xác. Về các mùa, trẻ nhận ra mùa hè và mùa đông dễ hơn các mùa khác.

#### *1.2.4. Khả năng vẽ, viết*

Vẽ là hoạt động mà ở đó tập hợp những cảm nhận mà trẻ có về cơ thể mình và về thế giới xung quanh được phóng chiếu vào đường nét, hình dạng do nó tạo ra. Tranh vẽ của trẻ thể hiện sự tri giác của nó về chính cơ thể mình, về thế giới khách quan xung quanh. Vẽ, viết là kết quả của sự phối hợp giữa cảm giác và vận động, phối hợp và thể hiện những điểm mốc không gian có được từ kinh nghiệm cảm giác- vận động. Nhịp điệu của nét vẽ phụ thuộc vào chính nhịp điệu của cơ thể, thể hiện trong sự nhanh hay chậm, ngắn hoặc dài, đậm hay mảnh của các nét. Thời gian và không gian cũng được thể hiện ở chủ đề được lựa chọn hoặc ở cách thức thể hiện chúng. Xúc cảm, tình cảm, thái độ của trẻ cũng được thể hiện trong nét vẽ, viết.

Trong năm thứ hai, trẻ bắt đầu vạch ra những đường nét đầu tiên. Những đường nét này còn nguệch ngoạc, trẻ chưa có ý định vẽ ra hình thù gì. Từ 3 tuổi trở đi, những nét nguệch ngoạc này tiến bộ hơn, ý đồ vẽ đã rõ hơn và trẻ bắt đầu vẽ hình người sơ khai. Sang 4 tuổi, trẻ vẽ được giống thực hơn, không chỉ vẽ được hình vuông mà còn vẽ được hình vòng khép kín. 5 tuổi biết vẽ lại theo mẫu. 6 tuổi là thời điểm mà ảnh hưởng của người lớn đến trẻ được thể hiện khá rõ trong việc trẻ vẽ, viết.

Giai đoạn 5 - 6 tuổi là thời kỳ cuối của tuổi mầm non, đến đây, sự phát triển tâm vận động đã đạt được những thành tựu đủ để trẻ chuyển sang giai đoạn phát triển tiếp theo: tuổi tiểu học.

Mặc dù mỗi giai đoạn phát triển mang những đặc trưng riêng, tâm vận động luôn giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Sự phát triển bình thường của trẻ em phụ thuộc vào sự phát triển tâm vận động và được thể hiện thông qua chính sự phát triển ấy.

## **2. Đặc điểm phát triển nhân cách của trẻ mẫu giáo.**

### **2.1. Khả năng ý thức về bản thân của trẻ mẫu giáo**

#### *2.1.1. Bước phát triển mới ý thức về bản thân ở đầu tuổi mẫu giáo*

Ý thức về bản thân đã chớm nảy sinh từ cuối tuổi ấu nhi khi trẻ biết tách mình ra khỏi những người xung quanh để nhận ra chính mình, nhận ra được sức mạnh chủ quan của mình. Nhưng ý thức về bản thân của trẻ ấu nhi rất mơ hồ, nên

trẻ chưa phân biệt đâu là ý muốn chủ quan, đâu là khách quan. Nhiều đứa trẻ vào tuổi ấy vẫn chưa biết mình là trai hay là gái.

Lớn dần lên trẻ tiếp xúc với thế giới bên ngoài và bắt đầu tìm hiểu thế giới con người và khám phá ra những mối quan hệ giữa người với người trong xã hội. Ví như cô giáo dạy học trò, chú công an giữ trật tự ở ngoài đường phố, người mắt bệnh phải điều trị, mua cái gì của ai phải trả tiền

Trò chơi đóng vai theo chủ đề ra đời để giúp trẻ khám phá ra những mối quan hệ ấy một cách hiệu quả. Khi gia nhập vào những mối quan hệ trong trò chơi, điều quan trọng là trẻ phát hiện ra mình trong nhóm bạn cùng chơi, cả trong quan hệ thực lẫn quan hệ chơi, trẻ có cơ hội để đối chiếu, so sánh những bạn cùng chơi với bản thân, thấy được vị trí của mình trong nhóm chơi khả năng của mình so các với bạn và cần phải điều chỉnh hành vi của mình như thế nào để phù hợp với cuộc chơi chung. Dần dần trẻ nhận ra mình, song việc nhận ra chính bản thân là việc làm rất khó, trẻ phải trải qua suốt quá trình mẫu giáo mới bắt đầu hình thành rõ nét về ý thức bản ngã.

Phải trải qua một thời gian khá dài, một quá trình phát triển và hành động với thực tế thì trẻ mới có sự hiểu biết về tính khách quan của sự vật.

Đối với người lớn xung quanh, chúng ta cần giúp trẻ mau chóng thoát khỏi hiện tượng duy kỷ:

- Cho trẻ hoạt động cọ sát với thế giới đồ vật, cho trẻ tìm hiểu thế giới tự nhiên thông qua môn học... sẽ giúp trẻ thấy được tính khách quan của sự vật

- Cần cho trẻ giao tiếp rộng rãi với mọi người, qua đó trẻ nhận ra các quy tắc xã hội buộc mọi người phải nghe và hành động theo

- Tổ chức nhiều dạng hoạt động vui chơi, đặc biệt là trò chơi ĐVTCD

Tất cả những việc làm trên cũng là quá trình giúp trẻ nhận thức về bản thân một cách sâu sắc, ý thức được bản ngã của mình.

### *2.1.2. Sự xác định rõ ràng về ý thức bản ngã ở cuối tuổi mẫu giáo*

Khi bước vào tuổi mẫu giáo, đứa trẻ chưa biết gì mấy về bản thân với những phẩm chất của mình. Nhưng càng về sau, trẻ mới biết mình là người như thế nào, có những ưu, nhược điểm gì, ngoan, hư ra sao, những người xung quanh đối xử với mình ra sao, tại sao mình lại hành động thế này, thế kia...(3) Ý thức về bản thân hay tự ý thức được thể hiện rõ nhất trong sự tự đánh giá về thành công hay thất bại của mình, về những khả năng và cả sự bất lực nữa.

Để đánh giá bản thân một cách đúng đắn, đầu tiên trẻ phải học cách đánh giá người khác và nghe người xung quanh đánh giá mình như thế nào. Thoạt đầu sự đánh giá của trẻ về người khác phụ thuộc vào thái độ yêu ghét của nó đối với người này. Thường đứa trẻ đánh giá bố hay mẹ mình đều là người tốt.

Ở tuổi mẫu giáo lớn, tự ý thức còn biểu hiện rõ trong việc nhận biết về giới tính của mình, trẻ không những nhận biết mình là con trai hay gái mà còn biết hành động như thế nào cho phù hợp với giới tính của mình. Về vấn đề này, sự

giáo dục và những tấm gương của người lớn có ảnh hưởng đáng kể. Những em trai thường bắt chước cử chỉ hành vi của đàn ông, còn những em gái thì bắt chước dáng điệu, lời nói của phụ nữ. Hiện tượng này được phản ánh vào hoạt động vui chơi rất rõ: con trai thường thích đóng vai công an, bộ đội, bảo vệ... con gái thì thích đóng vai cô giáo, người mẹ, người buôn bán... Trong khi nhận xét nhau, trẻ cũng biểu hiện về giới khá rõ.

Ý thức bản ngã được xác định rõ ràng giúp trẻ điều khiển và điều chỉnh hành vi của mình dần dần phù hợp với những chuẩn mực, những quy tắc của xã hội, làm cho hành vi của trẻ mang tính xã hội cao - hành vi mang tính nhân cách đậm nét.

Ý thức bản ngã được xác định rõ ràng còn giúp cho hoạt động tâm lý của trẻ có chủ tâm hơn, nhờ đó hoạt động tâm lý của trẻ mang tính chủ định rõ nét.

## ***2.2. Sự hình thành động cơ trong hành vi của trẻ Mẫu giáo***

Trong suốt thời kỳ mẫu giáo, ở trẻ em có một sự biến đổi căn bản trong hành vi: chuyển từ hành vi bột phát sang hành vi mang tính xã hội. Đó cũng tức là quá trình hình thành động cơ của hành vi. Tuy nhiên, ở lứa tuổi mẫu giáo bé thì bước chuyển này cũng mới ở vào thời điểm khởi đầu.

Phần nhiều hành động của trẻ mẫu giáo bé còn giống với hành động của trẻ ấu nhi. Thông thường trẻ không hiểu được tại sao mình hành động như thế này hoặc hành động như thế kia. Trẻ hành động thường là do những nguyên nhân trực tiếp như theo ý muốn chủ quan của mình hoặc do tình huống ở thời điểm đó thúc giục và không ý thức được nguyên nhân nào khiến mình hành động như vậy.

Dần dần trong hành vi của trẻ có một sự biến đổi quan trọng. Đó là sự nảy sinh động cơ. Lúc đầu, động cơ còn đơn giản và mờ nhạt. Thường khi hành động, trẻ bị kích thích bởi những động cơ sau đây:

- Động cơ gắn liền với ý thích muốn được như người lớn

Nguyện vọng này biến thành động cơ dẫn trẻ đến việc sắm các vai trong những trò chơi ĐVTCD. Người lớn có thể dựa vào nguyện vọng đó của trẻ để thực hiện những yêu cầu giáo dục hàng ngày như khuyên trẻ: “Lớn rồi phải tự mặc lấy quần áo, tự xúc cơm ăn” hoặc “Người lớn ai lại khóc nhè!”. Cứ như vậy trẻ sẽ thực hiện những yêu cầu của người lớn một cách rất nhẹ nhàng.

- Những động cơ gắn liền với quá trình chơi

Những động cơ này có tác động khá mạnh mẽ thúc đẩy hành vi của trẻ. Như chúng ta đã biết, trẻ ham chơi không phải nguyên nhân là do kết quả của trò chơi mang lại mà chính quá trình chơi làm cho trẻ thích thú. Khi vượt ra khỏi giới hạn phạm vi trò chơi, để làm một việc nào đó thì trẻ hành động rất khó khăn; nhưng nếu hành động vẫn mang tính chất vui chơi thì trẻ sẽ thực hiện dễ dàng hơn. Do đó có thể nói rằng, hành động của trẻ được thúc đẩy bằng động cơ vui chơi. Động cơ này làm cho toàn bộ hành vi của trẻ mang một sắc thái riêng mà đó cũng là một nét độc đáo của tuổi mẫu giáo.

- Động cơ nhằm làm cho người lớn vui lòng và yêu mến

Vào tuổi mẫu giáo cũng bắt đầu xuất hiện loại động cơ mong muốn làm cho người lớn vui lòng và yêu mến và động cơ này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy trẻ thực hiện những hành động tích cực. Biểu hiện như:

Đến đầu tuổi mẫu giáo, trẻ em rất thích được bố mẹ, cô giáo và những người lớn xung quanh khen ngợi mình, thương yêu mình. Nhiều khi các em cố gắng làm những việc tốt để được khen, được yêu mến. Trẻ thường nói: “Cháu rửa tay sạch để cô khen” hoặc “Con ngủ dậy không khóc nhè để mẹ yêu”.

Ở tuổi mẫu giáo một loại động cơ của hành vi mang tính đạo đức xã hội sẽ được hình thành, thể hiện ở sự quan tâm của trẻ đối với những người xung quanh, đối với bạn bè. Loại động cơ này thường xuất hiện ở lứa tuổi mẫu giáo bé. Trong điều kiện có sự giáo dục đúng đắn thì loại động cơ này sẽ được phát triển mạnh ở các giai đoạn sau của lứa tuổi mẫu giáo (nhỡ và lớn). Đó là cốt lõi trong nền tảng đạo đức của nhân cách con người tương lai.

Từ những vấn đề được trình bày trên đây, chúng ta có thể rút ra kết luận rằng: lứa tuổi mẫu giáo bé là điểm khởi đầu của cả giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách con người. Đồng thời ở đây đang diễn ra một bước ngoặt quan trọng trong đời sống tâm lý của trẻ, đó là việc chuyển từ lứa tuổi ấu nhi sang lứa tuổi mẫu giáo.

### ***2.3. Đặc điểm về tình cảm của trẻ mẫu giáo***

Đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo phát triển khá mạnh mẽ, nổi bật lên là tính đồng cảm (dễ thông cảm và sẵn sàng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với người khác) và tính dễ cảm xúc (nhạy cảm với những rung động của người khác) đối với con người cũng như cảnh vật xung quanh. Đây là một thời điểm giáo dục thuận lợi lòng nhân ái cho trẻ mẫu giáo.

Sự phát triển tình cảm của trẻ mẫu giáo nhờ còn được biểu hiện ra ở nhiều mặt trong đời sống tinh thần của trẻ. Các loại tình cảm bậc cao như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức tình cảm thẩm mỹ đều ở vào một thời điểm phát triển thuận lợi nhất, đặc biệt là tình cảm thẩm mỹ. Tình yêu cái đẹp trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong nghệ thuật, thực chất đó là tình cảm được khơi gợi lên bởi những xúc cảm về cái đẹp của con người, của tình người. Trẻ mẫu giáo biết rung cảm, khá nhạy bén với những cái đẹp trong thế giới xung quanh. Có thể nói đây là thời phát cảm của những xúc cảm thẩm mỹ, tức là những cảm xúc tích cực, dễ chịu được nảy sinh khi trẻ tiếp xúc trực tiếp với cái đẹp, khiến trẻ thấy gắn bó tha thiết với con người và cảnh vật xung quanh, kích thích chúng làm những điều tốt lành để đem đến niềm vui cho mọi người.

Quan sát trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta dễ nhận thấy trẻ mẫu giáo, đặc biệt ở tuổi mẫu giáo nhỡ rất dễ sung sướng, ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tưởng chừng như rất đơn giản trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong nghệ thuật như khi nhìn thấy một bông hoa tươi thắm, một cánh bướm sặc sỡ, nghe một khúc nhạc hay, một câu thơ giàu vần điệu... Những điều dễ gợi lên những rung động mạnh mẽ trong lòng đứa trẻ.

Ở cuối giai đoạn trẻ mẫu giáo, trong đời sống tình cảm của trẻ có thêm một

nhân tố mới, đó là tính hợp lý điều đó làm cho tình cảm của đứa trẻ trở nên bền vững hơn giai đoạn trước. Sự phát triển tính hợp lý trong tình cảm của trẻ mẫu giáo không chỉ biểu hiện ở thái độ đối với người xung quanh mà còn ở thái độ đối với bản thân mình. Ý thức trách nhiệm của trẻ bắt đầu rõ nét đối với công việc, trẻ thực sự tự hào khi được khen vì hoàn thành nhiệm vụ, nhưng cũng xấu hổ khi bị quở trách vì không làm tròn những nhiệm vụ được giao. Có nghĩa là trẻ bắt đầu nhạy cảm với sự đánh giá của người lớn đối với hành vi của mình. Sự lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức và các quy tắc hành vi giúp cho tình cảm trách nhiệm của trẻ phát triển, không những được biểu hiện khi có đông người xung quanh mà ngay khi chỉ có một mình trẻ.

Do có tính hợp lý trong tình cảm, trẻ còn biết nén lại tình cảm của mình trong trường hợp cần thiết và đôi khi còn biết sử dụng tình cảm của mình tác động tới người khác để thông báo cho họ biết thái độ của mình về một việc gì đó. Lúc này, trẻ không những biết kiềm chế những xúc cảm mạnh mẽ và đột ngột của mình mà còn nắm được những hình thức thể hiện tình cảm một cách tế nhị bằng ánh mắt, nụ cười, nét mặt, điệu bộ, ngữ điệu của giọng nói... Trẻ còn có khả năng bắt chước rất nhanh những phương tiện biểu cảm tinh tế của người lớn để vận dụng vào cuộc sống của mình, như biết tặng quà cho người mà mình yêu quý, tỏ lời khen người với những em bé hơn mình hoặc nói lời thăm phục khi bạn mình làm được việc tốt.

#### ***2.4. Đặc điểm ý chí ở trẻ mẫu giáo***

Trẻ mẫu giáo cũng bắt đầu điều khiển hoạt động tâm lý của mình như điều khiển chú ý, tri giác, trí nhớ... từ chỗ không chủ định đến chủ định. Trẻ có thể tập trung chú ý quan sát một sự vật nào đó không lơ đãng nhìn chỗ khác hay cố nhớ cho thuộc một bài thơ hoạt nhớ một việc gì đó mẹ đã dặn.

Đến cuối tuổi mẫu giáo, trẻ còn biết điều khiển hoạt động của tư duy của mình như suy nghĩ để giải một câu đố hay tìm hiểu một vấn đề nào đó mà trẻ quan tâm hoặc tìm ra các kiểu lắp ráp trò chơi xây dựng...

Tuy vậy, trẻ mẫu giáo còn nhiều hoạt động bột phát, không chủ định song tồn tại với những hành động ý chí. Trong nhiều trường hợp, hành động ý chí còn bị lấn át bởi hành động bột phát do ảnh hưởng của những xúc cảm và những nguyện vọng trước một tình huống nào đó gây nên. Xét trong toàn bộ phát triển thì cuối tuổi mẫu giáo hành động ý chí ngày càng tăng và chiếm một tỉ lệ đáng kể trong “bức tranh” hành vi của trẻ, khi được giáo dục tốt. Ngược lại trẻ nào quá được nuông chiều hoặc bị thả nổi thì hành động ý chí khó có thể phát triển được.

Sự phát triển ý chí của trẻ có liên quan mật thiết với sự biến đổi của các hành vi. Chính sự xuất hiện một động cơ nổi bật trong hệ thống thứ bậc các động cơ đã được hình thành có vai trò giúp trẻ vượt khó khăn nhằm đạt tới mục tiêu đã đề ra mà không bị kích thích bởi động cơ thấp hơn.

### **3. Đặc điểm phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo**

#### ***3.1. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo***

### 3.1.1. Bước chuyển biến về chất trong sự phát triển ngôn ngữ

Trong suốt lứa tuổi mẫu giáo, ngôn ngữ của trẻ phát triển về các phương diện: ngữ âm, vốn từ; và sử dụng ngữ pháp tiếng mẹ đẻ. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo diễn ra khi hoạt động của trẻ càng phong phú và giao tiếp với những người xung quanh được mở rộng.

Bước vào tuổi mẫu giáo, trẻ tham gia nhiều hình thức hoạt động, như tham gia vào trò chơi ĐVTCD, múa, hát, đọc thơ, kể chuyện... với việc sử dụng ngôn ngữ ngày càng tích cực nhằm đạt tới kết quả cao trong các hoạt động. Ở tuổi mẫu giáo ngôn ngữ của trẻ có sự chuyển biến rõ rệt như: vốn từ tăng lên rõ rệt, phát âm chính xác hơn, cấu trúc ngữ pháp trong ngôn ngữ của trẻ hoàn thiện dần.

Nếu ở trẻ ấu nhi, ngôn ngữ gắn liền với sự vật trẻ đang tri giác hay đang hành động với nó trong một tình huống cụ thể nhất định thì ở trẻ mẫu giáo ngôn ngữ cho phép trẻ biết được cái không tồn tại trước mắt mà có thể hình dung những cái trong quá khứ hay trong tương lai qua giao tiếp với người lớn trong các câu chuyện. Đến cuối tuổi mẫu giáo, trẻ có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách thành thạo trong sinh hoạt hàng ngày. Ngôn ngữ đã thực sự trở thành phương tiện cơ bản để cải tổ các chức năng tâm lý, giúp cho đời sống tinh thần của trẻ có một chất lượng mới.

Lứa tuổi mẫu giáo là giai đoạn phát cảm (nhạy cảm cao) đối với hiện tượng ngôn ngữ khiến cho phát triển ngôn ngữ của trẻ đạt tới tốc độ nhanh và đến cuối tuổi mẫu giáo hầu hết trẻ em đều có thể sử dụng thông thạo tiến mẹ đẻ trong sinh hoạt hằng ngày.

### 3.1.2. Các hướng phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo

- Về ngữ âm và ngữ điệu khi sử dụng tiến mẹ đẻ

Do việc giao tiếp bằng ngôn ngữ được mở rộng trong lứa tuổi mẫu giáo, tai nghe âm vị của trẻ được rèn luyện thường xuyên để tiếp nhận ngữ âm khi nghe người lớn nói. Mặt khác, cơ quan phát âm đã chín muồi giúp trẻ phát ra những âm tương đối chuẩn, kể cả những âm khó của tiếng mẹ đẻ như uênh oàng, khúc khuỷu...). Chỉ trong trường hợp bộ máy phát âm bị tổn thương, hay do bị ảnh hưởng của tật nói ngọng địa phương thì trẻ mới phạm nhiều lỗi trong ngữ âm.

Càng về cuối tuổi mẫu giáo, trẻ còn biết sử dụng ngữ điệu phù hợp với nội dung giao tiếp hay nội dung câu chuyện mà trẻ kể cho người khác nghe. Trẻ biết dùng ngữ điệu êm ái để biểu thị tình cảm thương yêu, trìu mến và để thể hiện sự hung dữ trẻ sử dụng ngữ điệu thô và mạnh. Khả năng này được thể hiện khi trẻ kể những câu chuyện ưa thích cho người khác nghe.

- Về phát triển vốn từ và cơ cấu ngữ pháp

Suốt thời kỳ mẫu giáo, vốn từ được trẻ tích lũy khá phong phú, không những về danh từ mà cả các từ loại khác như động từ, tính từ, đại từ... Nhìn chung, việc tăng vốn từ và các loại từ ngữ khá nhanh chóng, trẻ có thể nắm được vốn từ đủ để diễn đạt các mặt trong đời sống hằng ngày. Tuy vậy, việc đó sẽ không có ý nghĩa đáng kể nếu như trẻ không đồng thời nắm được các kỹ năng kết hợp các từ trong



câu theo quy tắc ngữ pháp, điều đó phụ thuộc rất nhiều vào sự giáo dục của người lớn. Sự lĩnh hội ngôn ngữ còn được quyết định bởi tính tích cực của bản thân đứa trẻ đối với ngôn ngữ. Những em bé năng động trong giao tiếp, năng động tìm hiểu hiện tượng ngôn ngữ (tức là ngôn ngữ đã thành đối tượng của ý thức các cháu) thì không những đứa trẻ hiểu từ ngữ và nắm ngữ pháp một cách vững vàng mà còn “sáng tạo” ra những từ ngữ, những cách nói mới chưa có trong ngôn ngữ của người lớn.

Trong khi sử dụng ngôn ngữ, trẻ cũng bắt đầu tìm hiểu ý nghĩa và nguồn của từ. Một cháu 5 tuổi đã giải thích: “Cây hoa phát triển rất đẹp”; “Cháu đội mũ bảo hiểm cho đúng quy định”; “Chú công an phát hiện hai tên kẻ cắp”...

#### - Về ngôn ngữ mạch lạc

Lời nói mạch lạc thể hiện một trình độ phát triển cao không chỉ về phương tiện ngôn ngữ mà cả về phương tiện tư duy nữa.

Đầu tuổi mẫu giáo, trẻ sử dụng ngôn ngữ tình huống, trong khi giao tiếp trẻ thường sử dụng các yếu tố trong tình huống giao tiếp để hỗ trợ cho lời nói của mình, nên những người trong tình huống mới có thể hiểu được trẻ đang nói gì. Dần dần, cuộc sống đòi hỏi trẻ cần phải xây dựng cho mình một kiểu ngôn ngữ khác, ít phụ thuộc vào tình huống, nhất là khi cần phải miêu tả lại cho người khác biết những điều mà mình mắt thấy, tai nghe, dẫn đến ngôn ngữ, ngữ cảnh xuất hiện, mang tính rõ ràng, rành mạch.

Một kiểu ngôn ngữ khác cũng đang phát triển trong lứa tuổi mẫu giáo, đó là kiểu ngôn ngữ giải thích. Ở tuổi này, trẻ có nhu cầu giải thích cho người xung quanh các vấn đề mà trẻ cần họ hiểu, như giải thích về nội dung trò chơi, cách tạo ra đồ chơi, những yêu cầu của bản thân về một sự việc nào đấy, phải nêu bật những điểm hợp lý... Ngôn ngữ giải thích đòi hỏi đứa trẻ phải trình bày ý kiến của mình theo một trình tự nhất định, phải nêu bật những điểm chủ yếu và những mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng một cách hợp lý để người nghe dễ đồng tình. Đây là một kiểu ngôn ngữ đòi hỏi tính chặt chẽ, mạch lạc cao, do đó được gọi là ngôn ngữ mạch lạc. Kiểu ngôn ngữ có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc hình thành mối quan hệ qua lại giữa trẻ với những người xung quanh, đặc biệt là đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ. Muốn cho ngôn ngữ được mạch lạc thì những điều nói ra được trẻ suy nghĩ rõ ràng, logic ngay từ trong đầu, tức là cần được tư duy hỗ trợ.

#### - Về phong cách ngôn ngữ

Trong những phong cách ngôn ngữ (phong cách chính trị - xã hội, phong cách hành chính, phong cách khoa học, phong cách nghệ thuật, phong cách sinh hoạt...) thì trẻ mẫu giáo nắm được phong cách sinh hoạt và ở mức độ nào đó là phong cách nghệ thuật. Nếu đứa trẻ được dạy dỗ cẩn thận, thì việc nói năng của chúng không những đúng mà còn hay. Trong phong cách sinh hoạt còn được hỗ trợ thêm màu sắc của phong cách nghệ thuật, tức là trẻ nói có văn hóa. Đó là trường hợp đứa trẻ được giáo dục cẩn thận lại trong môi trường văn hóa.

Gia đình và trường mầm non cần phải coi nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho

trẻ là một nội dung hết sức quan trọng của Giáo dục mầm non, đặc biệt là trong thời kì phát cảm ngôn ngữ (từ 2 đến 5 tuổi). Tất nhiên cả về sau này nữa, mỗi người vẫn phải tiếp tục học tập, rèn luyện tiếng mẹ đẻ.

### ***3.2. Sự phát triển hoạt động nhận cảm của trẻ mẫu giáo***

Ở tuổi ấu nhi trẻ đã có những hành động tri giác nhưng những hành động này còn sơ lược, chưa giúp trẻ tri giác chi tiết các thuộc tính phức tạp của đối tượng nhằm hình thành dạng hoạt động mới của trẻ như vẽ, nặn, xây dựng... Đến đầu tuổi mẫu giáo, tình hình cũng không sáng sủa hơn. Suốt thời kì mẫu giáo, hoạt động nhận cảm bằng sự quan sát của trẻ được tiến bộ một cách đáng kể:

Đối với trẻ mẫu giáo bé, trước một đối tượng mới, để tìm hiểu nó, các em liền bắt tay ngay vào hành động với đối tượng. Chúng không có ý định ngắm nghía hay xem xét đối tượng đó. Nếu được hỏi đối tượng đó như thế nào, thì trẻ không trả lời hoặc tả lời không chính xác.

Đối với trẻ mẫu giáo nhỡ, các em đã bắt đầu xem xét, ngắm nghía đối tượng, nhưng trẻ làm việc đó không theo một thứ tự nào và thường chuyển sang hành động với đối tượng ngay. Khi cần mô tả lại bằng lời, trẻ em chỉ nêu được những bộ phận hay những dấu hiệu dễ thấy mà không tìm được mối liên hệ giữa chúng với nhau.

Đối với trẻ mẫu giáo lớn, tình hình khá nhiều hơn, trẻ bắt đầu khảo sát và mô tả đối tượng có trình tự và tỉ mỉ hơn. Khi khảo sát các em cầm đồ vật lên tay, xoay trở mọi phía, ngắm nhìn, sờ mó cẩn thận và chú ý đến những đặc điểm nổi bật nhất của nó. Phải đến 7 tuổi (mà cũng không ở tất cả mọi đứa trẻ) các em mới khảo sát đối tượng một cách có kế hoạch và có hệ thống hơn. Lúc này chúng không cần cầm đồ vật lên tay nữa mà chỉ cần tri giác bằng mắt thôi cũng có thể mô tả được khá đầy đủ thuộc tính của đối tượng.

### ***3.3. Đặc điểm phát triển trí nhớ của trẻ mẫu giáo***

#### ***3.3.1. Sự phát triển trí nhớ không chủ định***

Ở tuổi mẫu giáo, trí nhớ của trẻ thường mang tính chất máy móc, không chủ định trẻ mẫu giáo thường ghi lại được nhiều ấn tượng một cách tự nhiên.

Trẻ thường ghi nhớ những gì mà mình thích thú hoặc gây ấn tượng mạnh mẽ, đặc biệt là những sự vật hiện tượng mang tính trực quan hình tượng rõ nét và tác động mạnh đến đời sống tình cảm của chúng.

Đối với tài liệu được thể hiện bằng ngôn ngữ giàu hình tượng lại có nhạc điệu, vần điệu hấp dẫn thì trẻ vẫn có khả năng nhớ nhanh và lâu bền, nhiều bài thơ, vè, ca dao, tục ngữ thường được trẻ nhập tâm thừ hồi còn bé. Có thể nhận xét rằng trí nhớ của trẻ mẫu giáo mang tính trực quan hình tượng, tính không chủ định nhờ tác động một cách tự nhiên của những ấn tượng hấp dẫn bên ngoài.

#### ***3.3.2. Sự phát triển trí nhớ chủ định***

Vào cuối tuổi mẫu giáo, trí nhớ của trẻ có một biến đổi về chất: trí nhớ nhờ đến công cụ tâm lý, như ngôn ngữ, sơ đồ, biểu đồ, chữ viết và mọi quy ước có

thể. trẻ 5 - 6 tuổi có trí nhớ chủ định đang phát triển tốt.

Thực nghiệm cho thấy rằng: đối với trẻ từ 3 - 4 tuổi bức tranh chưa trở thành phương tiện để nhớ, vì chúng không biết tự đặt mục đích để nhớ hay nhận mục đích đó do người lớn đặt ra. Nhưng trẻ từ 5 - 7 tuổi đã biết sử dụng các bức tranh làm phương tiện hay điểm tựa để nhớ từ. Với sự hướng dẫn của người lớn đưa trẻ có thể đi từ đối tượng cần nhớ (từ) đến điểm tựa (bức tranh), đó là thao tác thẳng (hay là sự mã hóa logic trong quá trình ghi nhớ) rồi lại biết đi từ điểm tựa đến đối tượng cần nhớ, gọi là thao tác ngược (hay là sự mã hóa logic trong quá trình nhớ lại).

Ngôn ngữ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển trí nhớ chủ định của trẻ, nhờ đó trẻ nắm được tên và hiểu ý nghĩa của sự vật và hiện tượng cần nhớ, đặt mục đích và tìm phương tiện giúp ghi nhớ và nhớ lại những điều cần nhớ. Trí nhớ chủ định là loại trí nhớ rất cần thiết cho việc học tập ở trường phổ thông sau này.

#### **4. Đặc điểm phát triển tư duy-tưởng tượng của trẻ mẫu giáo**

##### **4.1. Đặc điểm về tư duy của trẻ mẫu giáo**

Đến tuổi mẫu giáo, tư duy của trẻ có một bước ngoặt rất cơ bản: đó là chuyển tư duy từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong, có nghĩa là chuyển tư duy trực quan - hành động sang kiểu tư duy trực quan - hình tượng.

Thực ra bước chuyển này đã bắt đầu diễn ra từ cuối tuổi ấu nhi, nhưng phải đến đầu tuổi mẫu giáo mới được diễn ra một cách cơ bản. Việc chuyển tư duy từ trực quan - hành động sang tư duy trực quan - hình tượng là nhờ vào:

Thứ nhất trẻ tích cực hoạt động với đồ vật, hoạt động được lặp đi lặp lại nhiều lần, lâu dần đồ vật nhập tâm thành những hình ảnh, những biểu tượng trong óc. Đó là cơ sở để cho hoạt động tư duy được diễn ra bình thường ở bên trong.

Thứ hai là do việc nảy sinh hoạt động vui chơi (mà trung tâm là TC ĐVTCD). Loại trò chơi giúp trẻ hình thành các chức năng kí hiệu - tượng trưng của ý thức. Chức năng này được thực hiện ở khả năng dung một vật này thay thế cho một vật khác và hành động với vật thay thế như là một hành động với đồ vật.

Ở trẻ em, sự nắm vững các hoạt động với đồ vật là những tiền đề để cho chức năng kí hiệu nảy sinh. Khi một hành động được thực hiện không phải với đồ vật thật mà với đồ vật thay thế thì hành động đó đã mất đi ý nghĩa thực tiễn của nó và khi đó nó trở thành một hình ảnh, một kí hiệu hành động có thực. Hiện tượng này xảy ra nhiều nhất trong các TC ĐVTCD của trẻ.

Đồng thời với kí hiệu về hành động, trò chơi nói chung, nhất là TC ĐVTCD, còn làm nảy sinh kí hiệu về một đồ vật (khi trẻ biết dùng một đồ vật này thay thế cho đồ vật khác). Chẳng hạn khi trẻ dung cái chổi coi như cây đàn để đánh đàn thì đó không phải là đánh đàn thật. Ở đây xuất hiện hai loại kí hiệu: Kí hiệu của hành động tức là hành động đánh đàn giả vờ, và kí hiệu về đồ vật tức là cái chổi (thay cho cái đàn).

Trò chơi đóng vai trò theo chủ đề xuất hiện ở trẻ nhiều hệ thống kí hiệu về

con người (tức là các vai)... Việc nảy sinh các hệ thống kí hiệu này không phải là tiền đề mà là kết quả của việc nắm vững hoạt động với đồ vật thay thế được diễn ra trong các TC ĐVTCD, và một khi mà đứa trẻ nhận ra được điều này thì cũng chính là lúc chức năng kí hiệu được nảy sinh trong ý thức của nó. Đây là một bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức của trẻ đối với thế giới xung quanh.

Tuy nhiên, bước chuyển này mới chỉ là một bước nhảy từ bờ bên này (là tư duy ở bình diện bên ngoài - tư duy trực quan hành động) sang bờ bên kia (là tư duy ở bình diện bên trong - tư duy trực quan hình tượng) nên nó mới chỉ là điểm khởi đầu của loại tư duy mới. Do đó, tư duy của trẻ ở đầu tuổi mẫu giáo (mẫu giáo bé) có những đặc điểm như sau:

a. Tư duy của trẻ mẫu giáo bé đã đạt tới ranh giới của tư duy trực quan - hình tượng

Tư duy của trẻ mẫu giáo bé vẫn còn gắn liền với hành động vật chất bên ngoài. Chỉ ở tuổi mẫu giáo bé và trong trường hợp thật đơn giản thì trẻ mới dùng kiểu tư duy trực quan - hình tượng. Chẳng hạn khi hỏi em bé: “Chiếc hộp gỗ khi ném xuống nước thì nổi hay chìm” Bé nói ngay là “nổi”. Vì sao? Bé trả lời: Vì cháu thấy que củi mà thả xuống nước cũng nổi”. Trong trường hợp này, việc giải quyết bài toán lại dựa vào biểu tượng cũ, tức là trẻ đã biết dùng kiểu tư duy trực quan - hình tượng.

b. Tư duy của trẻ mẫu giáo còn gắn liền với hành động vật chất với xúc cảm và ý muốn chủ quan

Trẻ mẫu giáo trẻ mới tới bước ngưỡng cửa của tư duy trong khi thế giới nội tâm của trẻ còn chưa được phân hóa thành những chức năng rõ ràng như người lớn, ở trẻ em, đặc biệt là ở trẻ mẫu giáo tư duy của trẻ thường bị chi phối bởi những xúc cảm khiến cho trẻ không phân biệt được đâu là thế giới bên trong, đâu là thế giới bên ngoài, vì đối với chúng những biểu tượng trong đầu óc mình cũng chính là sự vật.

Hơn nữa, tư duy của trẻ còn bị tình cảm chi phối rất mạnh, thể hiện ở chỗ trẻ chỉ suy nghĩ về những điều gì mà chúng thích và dòng suy nghĩ thường bị cuốn hút vào ý thích riêng của mình bất chấp cả tác động khách quan. Một em bé nhất định không chịu giải bài toán “Mẹ ăn hai cái kẹo? con ăn một cái kẹo, hỏi tất cả có mấy cái kẹo?”, chỉ vì trong tình cảm của em hình ảnh của mẹ bao giờ cũng nhường kẹo cho con, còn trong câu hỏi này mẹ lại ăn nhiều hơn con, do đó em bé không thể nào chấp nhận được.

Do xúc cảm chi phối mạnh mẽ quá trình tư duy, cho nên muốn trẻ tin vào một điều gì đó và làm theo điều đó, thì chỉ gây cho trẻ một cảm xúc mạnh chứ nói lí là không ăn thua. Muốn cho chúng thay đổi ý kiến về một vấn đề nào đó, thì không thể thuyết phục bằng một lý lẽ mà tốt nhất là nên khơi gợi tình cảm thì mới có kết quả.

c. Cuối tuổi mẫu giáo phát triển mạnh kiểu tư duy trực quan - hình tượng

Cuối tuổi mẫu giáo bé, trẻ đã biết tư duy bằng những hình ảnh trong đầu,

nhưng do biểu tượng còn nghèo nàn và tư duy mới chuyển được từ bình diện bên ngoài và bình diện bên trong nên trẻ mới chỉ giải được một số bài toán hết sức đơn giản theo kiểu tư duy trực quan - hình tượng. Cùng với sự hoàn thiện hoạt động vui chơi và sự phát triển các hoạt động khác (như vẽ, nặn, kể chuyện, xây dựng, đi chơi, đi dạo...) vốn biểu tượng của trẻ mẫu giáo nhờ được giàu có thêm nhiều, chức năng kí hiệu phát triển mạnh, lòng ham hiểu biết và hứng thú nhận thức tăng lên rõ rệt: đó là điều kiện để cho sự phát triển tư duy theo kiểu trực quan - hình tượng được thuận lợi, và đây cũng là thời điểm mà kiểu tư duy đó phát triển mạnh mẽ nhất, tất nhiên nó vẫn kết hợp chặt với những hoạt động vật chất và hoạt động thực tiễn của trẻ (vì đó là nguyên tắc cơ bản của hoạt động con người).

Ở tuổi mẫu giáo nhờ các em có nhu cầu khám phá các quan hệ phụ thuộc giữa các đồ vật và hiện tượng như quan hệ giữa độ ẩm với độ mềm của đất sét khi nặn, giữa độ lặn xa với sức búng ngón tay vào hòn bi,... Tư duy đang trên đà phát triển mạnh giúp trẻ dự kiến hành động, lập kế hoạch cho hành động của mình.

Trẻ mẫu giáo nhờ bắt đầu đề ra cho mình những bài toán nhận thức, tìm tòi cách giải thích những hiện tượng mà mình nhìn thấy được. Trẻ thường “thực nghiệm”, chăm chú quan sát các hiện tượng và suy nghĩ đó để rút ra kết luận. Tất nhiên những kết luận đó còn ngây ngô, ngộ nghĩnh và nhiều khi còn gây bất ngờ đối với người lớn.

Phần lớn, trẻ ở tuổi mẫu giáo nhờ đã có khả năng suy luận vấn đề là cần phải xem xét để biết chúng suy luận theo kiểu tư duy nào? Nếu ở tuổi mẫu giáo bé, để giải các bài toán trẻ thường dùng hành động định hướng bên ngoài - tức là bằng tư duy trực quan - hành động, và chỉ với những bài toán thật đơn giản thì chúng mới biết giải thầm trong óc dựa vào những biểu tượng đã thu nhận được, thì phần lớn trẻ ở độ tuổi mẫu giáo nhờ đã có khả năng giải các bài toán bằng các “Phép thử ngầm trong óc”, dựa vào các biểu tượng: Kiểu tư duy trực quan - hình tượng đã bắt đầu chiếm ưu thế.

Trẻ rất dễ nhầm lẫn các thuộc tính bản chất và không bản chất của sự vật và hiện tượng xung quanh.

Do đó, trong khi giúp trẻ phát triển mạnh tư duy hình tượng, cần phải uốn nắn những suy luận quá lệch lạc của trẻ và cung cấp cho trẻ những hiểu biết cần thiết để trẻ có được những suy luận đúng hơn. Trước hết đó là việc cung cấp biểu tượng cho trẻ một cách phong phú và chính xác qua những buổi đi chơi, đi dạo, qua các câu chuyện kể, qua các bức tranh, bài hát, phim đèn chiếu điện ảnh hoặc truyền hình... Đặc biệt là qua những buổi đi chơi, tiết học cô mẫu giáo giúp trẻ hệ thống hóa và chính xác hóa dần những biểu tượng về thế giới xung quanh. Tất nhiên dưới con mắt trẻ thơ, sự vật bên ngoài bao giờ cũng hiện lên một cách ngộ nghĩnh, mang dáng vẻ độc đáo của sự hồn nhiên, ngây thơ.

d. Xuất hiện kiểu tư duy trực quan - hình tượng mới và những yếu tố của kiểu tư duy trừu tượng

Ở tuổi mẫu giáo nhờ, xuất hiện thêm kiểu tư duy trực quan - sơ đồ. Kiểu tư

duy này tạo ra cho trẻ một khả năng phản ánh những mối liên hệ tồn tại khách quan, không bị phụ thuộc vào hành động hay ý muốn chủ quan của bản thân đứa trẻ. Sự phản ánh nhiều mối liên hệ tồn tại khách quan, là điều kiện cần thiết để lĩnh hội những tri thức vượt ra ngoài khuôn khổ của việc tìm hiểu từng vật riêng lẻ với tư duy trực quan - sơ đồ vẫn là kiểu tư duy hình tượng nhưng đã mất đi những chi tiết rườm rà, mà chỉ còn giữ lại những thuộc tính chủ yếu, những mối liên hệ khách quan, giúp trẻ phản ánh một cách khái quát về những sự vật chứ không phải là vật riêng lẻ.

Tư duy trực quan - sơ đồ giúp trẻ lĩnh hội những tri thức ở trình độ khái quát, từ đó mà hiểu được bản chất của sự việc, nhưng kiểu tư duy này vẫn trong phạm vi của kiểu tư duy trực quan - hình tượng nói chung và do đó nó bị hạn chế khi trẻ cần giải bài toán đòi hỏi phải tách biệt những thuộc tính, những mối quan hệ mà không hình dung một cách trực quan dưới dạng hình tượng được nữa. Nhưng dù sao thì kiểu tư duy trực quan - sơ đồ cũng thể hiện một bước phát triển đáng kể trong tư duy của trẻ mẫu giáo. Đó là dạng trung gian quá độ để chuyển từ kiểu tư duy hình tượng lên kiểu tư duy mới, khác về chất - Tư duy trừu tượng. Kiểu tư duy này sẽ được phát triển ở giai đoạn sau, ở lứa tuổi học sinh.

#### **4.2. Đặc điểm về tưởng tượng của trẻ mẫu giáo**

- Trí tưởng tượng của trẻ bị chi phối bởi trò chơi và chuyện cổ tích

Trí tưởng tượng bắt đầu nảy sinh khi đứa trẻ lên ba (2 - 3 tuổi) khi trẻ biết dùng vật thay thế trong trò chơi phản ánh sinh hoạt - dạng sơ khai của trò chơi đóng vai theo chủ đề - gọi chung là trò chơi mô phỏng, một loại hoạt động mang tính chất kí hiệu - tượng trưng.

Việc sử dụng vật thay thế trong khi chơi đã giúp trẻ có thể làm được mọi việc mà trong cuộc sống thực không thể đạt được. Ví dụ: muốn phi ngựa thì dùng chiếc gậy hay tàu cau; muốn lái đoàn tàu thì xếp mấy chiếc ghế nối đuôi nhau; ....Như vậy là hoạt động vui chơi làm nảy sinh trí tưởng tượng và trí tưởng tượng lại giúp cho trẻ chơi say mê hơn, phong phú hơn.

Bên cạnh trò chơi là truyện cổ tích, hai thứ đó đều kích thích cho trí tưởng tượng của trẻ phát triển. Truyện cổ tích đưa trẻ em đến với một thế giới thần tiên, kích thích trẻ em say mê, hòa mình vào cuộc sống trong truyện, cùng vui, cùng buồn, tự đồng nhất mình với nhân vật mà mình yêu thích. Nhờ vậy mà sức tưởng tượng càng được phát huy. Cũng như trò chơi, truyện cổ tích là phương tiện giúp trẻ thể hiện ước mơ mình. Những gì trong cuộc đời thực không làm được, trẻ thường tìm cách thực hiện trong trò chơi hay trong truyện cổ tích. Có thể nói, trò chơi và truyện cổ tích là phương tiện hữu hiệu nhất để nuôi dưỡng trí tưởng tượng cho trẻ em, giúp cho tuổi thơ đẹp đẽ và trong sáng hơn.

- Trí tưởng tượng chuyển từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong

Đầu tuổi mẫu giáo (và ngay cả ở cuối tuổi ấu nhi) tưởng tượng của trẻ không tách khỏi tri giác đối tượng và hành động với đối tượng. Em bé nhảy lên và kẹp hai chân vào cái gậy: em trở thành “kị sĩ” và cái gậy biến thành “con ngựa”. Nhưng em bé sẽ không thể tưởng tượng ra con ngựa nếu lúc đó không nhìn thấy một đối

tượng thích hợp để cười (tức là cái gậy) và em cũng không thể hình dung ra trong trí óc cái gậy là con ngựa nếu em không cười lên cái gậy.

Cuối tuổi mẫu giáo, trí tưởng tượng có thể dựa vào cả những vật không giống nhau, thậm chí khác hẳn để làm vật thay thế. Có trường hợp em bé chỉ cầm chiếc chìa khóa trong tay là lại hình dung đó là mụ phù thủy đang phù phép gì đó. Ở đây chiếc chìa khóa chỉ là chỗ dựa giúp em tưởng tượng ra mụ phù thủy mà thôi.

Về sau, các em không cần đến những chỗ dựa bên ngoài nữa mà chuyển vào trí tưởng tượng ngẫm. Có hai anh em chơi trò “Đi du lịch”. Chúng ngồi lên một chiếc ghế dài. Thịnh thoảng cậu anh giả vờ xoay tay lái và thốt lên: “chà, chỗ này xấu quá! Phải qua cái ổ gà giữa đường”, còn cậu em thịnh thoảng mồm lại lấp bắp như kiểu chào hỏi người qua đường. Hai anh em tự tưởng tượng ra một xứ sở xa xôi và bao nhiêu điều mới lạ và cả những nguy hiểm dọc đường. Những điều đó đã diễn ra trong óc trẻ em bằng trí tưởng tượng ngẫm. Đây là kiểu tưởng tượng thường có ở người lớn.

- Trí tưởng tượng có chủ định và không chủ định

Tưởng tượng của trẻ mẫu giáo phần lớn là không chủ định, không nhằm vào mục đích đề ra từ trước.

Đến cuối tuổi mẫu giáo, tưởng tượng có chủ định mới hình thành rõ nét, được thể hiện nhiều nhất trong các dạng hoạt động mang tính sáng tạo như vẽ, nặn, trò chơi xây dựng,... lúc này, trẻ bắt đầu có khả năng hành động theo ý đồ định trước.

Tính chủ định còn cho phép trẻ điều chỉnh hành động của mình bằng ngôn ngữ trong những hoạt động ấy. Chính vì vậy, việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo cũng chính là làm tăng tính chủ động tâm lý, đặc biệt là phát triển trí tưởng tượng có chủ định.

Cuối tuổi mẫu giáo, trí tưởng tượng sáng tạo của trẻ được phát triển khá mạnh với sự hỗ trợ đắc lực của quá trình tri giác.

## **5. Đặc điểm phát triển chú ý của trẻ mẫu giáo**

Vào tuổi mẫu giáo, trẻ tiếp nhận lời nói thường xuyên và dễ dàng hơn trước. Trẻ ngày càng hướng vào lời nói để gọi tên sự vật, để đánh giá hành vi của bạn, và của bản thân; đối với trẻ lời nói còn là mệnh lệnh, là yêu cầu hay thôi thúc hành động... Trong hoạt động, trẻ em ngày càng cần sự giúp đỡ của người lớn, sự chỉ dẫn, giảng giải, khen ngợi của người lớn làm cho ngôn ngữ của họ trở thành đối tượng chú ý của trẻ em. Điều đó là nguyên nhân chủ yếu làm thay đổi cơ bản sự phát triển chú ý của trẻ mẫu giáo, được biểu hiện rõ ở trẻ 4 - 5 tuổi với những khía cạnh: Một là khối lượng chú ý tăng lên; hai là tính bền vững của chú ý phát triển; ba là hình thành chú ý có chủ định.

Sự hình thành chú ý có chủ định: đến giữa tuổi mẫu giáo 4 - 5 tuổi, nhờ ngôn ngữ và tư duy phát triển, trẻ biết điều khiển chú ý của mình, tự giác hướng chú ý của mình vào đối tượng nhất định, có nghĩa là chú ý chủ định bắt đầu hình

thành. Nhưng việc phát triển chú ý không chủ định không làm xuất hiện chú ý có chủ định.

Mặc dù chú ý chủ định bắt đầu hình thành ở trẻ mẫu giáo, nhưng ở tuổi này, nhìn chung chú ý không chủ định vẫn chiếm ưu thế. Trẻ rất khó tập trung vào những công việc mang tính đơn điệu và không hấp dẫn. Trong khi đó thì hoạt động vui chơi, hoạt động khám phá hay những hoạt động đượm màu sắc xúc cảm thường lôi cuốn chú ý của trẻ khá lâu. Đặc điểm này là một trong những cơ sở để tổ chức hoạt động cho trẻ, tránh những “tiết học” với những bài tập khô khan, đòi hỏi trẻ phải luôn tập trung chú ý một cách căng thẳng. Các trò chơi, các dạng hoạt động hấp dẫn, kích trẻ phát huy sáng kiến cần được áp dụng vào tiết học và luôn thay đổi các hình thức hoạt động sẽ cho trẻ duy trì chú ý của mình vào các đối tượng một cách bền vững hơn.

Về cuối tuổi mẫu giáo, chú ý có chủ định của trẻ tiến bộ hơn hẳn, việc tổ chức các hoạt động theo những yêu cầu nhất định, ngay cả khi công việc không thú vị lắm sẽ làm cho phải cố gắng hướng chú ý của mình vào đối tượng.

### **TÓM TẮT BÀI HỌC**

Nội dung bài học đề cập đến các khái niệm, đặc điểm cơ bản về các hoạt động được tổ chức trong trường mầm non như: hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động và một số các đặc điểm về tâm lý của trẻ ở giai đoạn 3-6 tuổi như: đặc điểm về tâm vận động, về trí tuệ, nhân cách. Qua đó giúp người học có cách nhìn khái quát về các hoạt động được tổ chức cho trẻ 3-6 tuổi ở trường mầm non.

### **BÀI TẬP**

**Câu hỏi 1.** Phân tích đặc điểm, cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề?

**Câu hỏi 2.** Tại sao nói: Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo?

**Câu hỏi 3.** Tại sao nói: *Khi bước sang tuổi mẫu giáo là một bước ngoặt của tư duy?* Người lớn cần làm gì để tư duy của trẻ ở giai đoạn này được phát triển một cách thuận lợi?

**Câu hỏi 4.** Phân tích dấu hiệu ngôn ngữ ở trẻ 0-3 tuổi, nêu rõ vai trò của người lớn?

**Câu hỏi 5.** Hãy làm rõ đặc điểm phát triển trí tưởng tượng và đặc điểm phát triển chú ý của trẻ mẫu giáo?

**Bài tập thảo luận:** Sử dụng sơ đồ tư duy để liệt kê những hạn chế trong quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi? Nêu một số cách thức giúp trẻ khắc phục những hạn chế trên.



## **BÀI 4: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO TRẺ MẦM NON**

**Mã bài: 23080006-04**

**Nguyễn Thị Cúc**

### **GIỚI THIỆU**

Nội dung bài 4 giới thiệu về các hoạt động giáo dục cần được tổ chức cho trẻ từ 0-3 tuổi như: tổ chức chế độ sinh hoạt, tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật...bên cạnh đó, còn thể hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục tương ứng với độ tuổi mẫu giáo như: hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động.

### **MỤC TIÊU**

- Mô tả, phân tích chính xác cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo từng độ tuổi (0-3 tuổi; 3- 6 tuổi).
- Tổ chức được chế độ sinh hoạt, hoạt động giao tiếp, hoạt động với đồ vật đối với trẻ dưới 3 tuổi và tổ chức thành thạo hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo.
- Chủ động tìm hiểu các đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non. Tích cực vận dụng các hoạt động phù hợp với từng độ tuổi và từng điều kiện thực tiễn khác nhau.

### **NỘI DUNG**

#### **1. Tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ dưới 3 tuổi**

##### **1.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ (5)**

##### *1.1.1. Những nội dung thường có trong chế độ sinh hoạt của trẻ dưới 3 tuổi*

- Tổ chức đón trẻ

Để việc đón trẻ diễn ra một cách thuận lợi, cô giáo mầm non cần thực hiện những yêu cầu sau:

Chuẩn bị đón trẻ:

- + Làm vệ sinh, thông thoáng phòng, nhóm (nhóm 3 – 12 tháng cần sắp xếp) giường chiếu vì trẻ đến là ngủ ngay)
- + Chuẩn bị đồ dùng, quần áo hoặc tã lót, nước uống, nước sinh hoạt trong ngày
- + Chuẩn bị đồ chơi và góc chơi cho trẻ
- + Chuẩn bị tư thế sẵn sàng đón trẻ

Trong giờ đón trẻ: cần bố trí 2 cô

- + Cô đón trẻ đứng đúng nơi quy định, thái độ vui vẻ, niềm nở. Đối với trẻ từ 7 – 8 tháng tuổi trở lên cô tập cho trẻ “ạ”, trẻ lớn hơn tập cho trẻ chào cô, chào bố mẹ.

+ Cô trao đổi nhanh với phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ hoặc về thói quen của những trẻ mới đến nhà trẻ hoặc thông báo những điều cần thiết, nhắc nhở những quy định chung của nhà trẻ.

+ Nếu trẻ sốt hoặc đang mắc các bệnh lây (hoặc nghi ngờ trẻ đang mắc các bệnh lây như sởi, thủy đậu, quai bị...) cần trả trẻ lại gia đình để chăm sóc và cách li đủ thời gian theo quy định mới nhận trẻ trở lại nhóm

+ Cô cần bao quát được tất cả trẻ đã nhận vào nhóm

+ Thời gian đầu, trẻ mới đi nhà trẻ, trẻ thường hay khóc vì chưa quen cô, quen bạn. Vì vậy, một vài ngày đầu cô gần gũi, tiếp xúc, làm quen với trẻ khi có cả cha mẹ trẻ, sau đó đón dần trẻ vào nhóm. Khi trẻ vào nhóm cô cần phải nhẹ nhàng, tươi cười, dỗ dành và lấy đồ chơi mà trẻ thích

+ Đối với trẻ 18 – 36 tháng cô thu dọn phòng nhóm gọn gàng để cho trẻ tập thể dục sáng, tạo điều kiện cho trẻ tắm nắng, tắm không khí trong lành. Có thể cho trẻ tập ở trong nhà, hành lang, hoặc ngoài sân tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của phòng nhóm và thời tiết. Nên cho trẻ tập theo nhạc là tốt nhất.

+ Cô cần nắm đúng số lượng trẻ đến trong ngày để báo số lượng suất ăn của nhóm với bộ phận cấp dưỡng.

- *Tổ chức cho trẻ ăn uống*

Việc tổ chức ăn uống hợp lý, khoa học là một yêu cầu cực kỳ quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ vì khả năng hoạt động của dạ dày, ruột... của trẻ còn kém. Nếu thức ăn không khoa học trẻ nhiễm bệnh ngay.

+ Tốc độ tăng trưởng, phát triển nhanh, nhu cầu dinh dưỡng chia theo trọng lượng với nhu cầu thức ăn rất lớn, giúp trẻ phục hồi sức lực và những năng lượng bị tiêu hao. Vì vậy, cần cung cấp đủ các chất dinh dưỡng cần thiết cho trẻ trong bữa ăn.

+ Ngoài ra cần chú ý vệ sinh an toàn tuyệt đối : ăn sữa bột, cháo 36 - 370 C, chế biến thức ăn phù hợp (từ thức ăn lỏng đến đặc dần, từ mềm đến rắn...), đủ chất và lượng, đảm bảo vệ sinh. Cần cho trẻ ăn nhiều thức ăn hoa quả tươi, rau tươi, sữa và các loại thức ăn bằng sữa, uống đủ nước...

+ Cần cho trẻ ăn uống hợp lý, ăn đúng giờ, tạo cho trẻ cảm giác muốn ăn và cảm giác ăn ngon miệng. Nếu trẻ không muốn ăn, người lớn cần tìm hiểu nguyên nhân và có những biện pháp xử lý kịp thời. Tránh quát mắng, dọa nạt trẻ khi ăn, không bịt mũi trẻ để cho ăn bột, ăn cháo. Không được cưỡng bức trẻ ăn, uống khi trẻ không muốn, sự cưỡng ép trẻ khi ăn uống thường dẫn đến cảm giác sợ ăn uống

+ Trước khi ăn không nên cho trẻ ăn nhiều bánh kẹo, cần tập cho trẻ văn hoá vệ sinh khi ăn uống... Mỗi độ tuổi có nhu cầu dinh dưỡng khác nhau, do vậy cần có chế độ ăn uống phù hợp với độ tuổi của trẻ.

<b>Lứa tuổi</b>	<b>Chế độ ăn</b>	<b>Nhu cầu cả ngày</b>	<b>Nhu cầu tại nhà trẻ (chiếm 60% - 70% nhu cầu cả ngày)</b>
3 – 6 tháng	Bú mẹ hoàn toàn	600 – 800 Kcal	360 – 560 Kcal
6 – 12 tháng	Bú mẹ + ăn bột	800 – 900 Kcal	480 – 630 Kcal
12 – 18 tháng	Bú mẹ + ăn cháo	900 – 1100 Kcal	540 – 770 Kcal
18 – 24 tháng	Ăn cơm nát	1100 – 1300 Kcal	660 – 910 Kcal
24 – 36 tháng	Ăn cơm thường	1100 – 1300 Kcal	660 – 910 Kcal

Khi cần thay đổi chế độ ăn uống thì nên thay đổi dần dần, từ ít đến nhiều, từ loãng đến đặc, nên tập cho trẻ quen dần với thức ăn mới. Hàng ngày trẻ cần ăn nhiều loại thức ăn khác nhau với đủ các chất dinh dưỡng: đạm, béo, đường, vitamin và muối khoáng.

*- Tổ chức cho trẻ ngủ*

Đối với trẻ nhỏ, khả năng hoạt động của hệ thần kinh yếu, quá trình hưng phấn cao hơn ức chế, nếu không ngủ thì mệt mỏi, thần kinh căng thẳng, quá trình hưng phấn sẽ cao hơn. Mặt khác, giấc ngủ được ví như liều thuốc bổ não, sau giấc ngủ tốt não sẽ được phục hồi khả năng hoạt động của mình. Những trẻ ngủ đủ giấc, ngủ sâu thường vui vẻ, hoạt bát; nếu mất ngủ thì cáu bẳn, hờn dỗi... Do vậy, khi tổ chức giấc ngủ cho trẻ cần chú ý một số vấn đề sau:

Đảm bảo cho trẻ ngủ đủ giấc và sâu. Thời gian ngủ của trẻ phụ thuộc vào độ tuổi:

- + Trẻ sơ sinh ngủ hầu như suốt ngày đêm
- + 2 – 5 tháng cần ngủ 16 – 18 h/ ngày
- + 6 – 12 tháng cần ngủ 14 – 16 h/ ngày
- + 1 – 2 tuổi cần ngủ 12 – 14 h/ ngày
- + 2 – 3 tuổi cần ngủ 10 – 12 h/ ngày

Trường hợp nếu trẻ ngủ li bì suốt ngày hoặc không chịu ngủ thì cần quan tâm theo dõi. Nếu thấy trẻ gầy còm, ốm yếu cần đưa đến bác sĩ để khám bệnh. Lưu ý đối với trẻ dưới 3 tuổi:

Đảm bảo thời gian ngủ quy chuẩn

Không nên cho trẻ thức quá 8h tối

Tập cho trẻ ngủ đúng giờ, tạo tâm trạng nhẹ nhàng, thoải mái, vui vẻ trước khi đi ngủ. Tạo cho trẻ thói quen lên giường là ngủ ngay. Đặc biệt không để trẻ nô đùa quá mức trước lúc ngủ hoặc người lớn không được dọa nạt trẻ khiến trẻ giật mình.

Tạo cho trẻ cảm giác được an tâm, được âu yếm, được an toàn trong giấc ngủ. Cho trẻ ngủ trên giường có khung chắn, có đủ chiếu, màn, chăn, gối khô ráo sạch sẽ, thơm tho. Trước khi ngủ, cho trẻ đi vệ sinh, lau rửa mặt mũi, chân tay, quần áo rộng rãi, thoải mái.

Cần chú ý đến đặc điểm riêng của từng trẻ. Đối với trẻ có nhu cầu ngủ nhiều nên cho trẻ ngủ sớm hơn và dậy muộn hơn. Đối với trẻ khó ngủ hay quấy khóc cần vỗ về, ru ngủ hoặc cho trẻ ngủ riêng để tránh ảnh hưởng đến giấc ngủ của trẻ khác. Đối với trẻ nhỏ cần vỗ về ru ngủ bằng những khúc hát ru, những bài thơ giàu âm điệu.

Trẻ dưới 4 tháng nên đặt trẻ nằm nghiêng về một phía hoặc nằm ngửa, tránh nằm sấp và ngoẹo đầu gây ngạt thở và ú ứ đờm dãi. Trẻ lớn ngủ trong tư thế thoải mái

Trẻ 12 – 24 tháng, cô nên động viên khuyến khích, tập cho trẻ làm quen với nơi ngủ và tập cho trẻ tự đi vào chỗ ngủ

Trẻ 24 – 36 tháng đã có những thói quen về nề nếp sinh hoạt, thói quen tự phục vụ nên đến giờ ngủ cô hướng dẫn cùng cô chuẩn bị ngủ (trẻ tự bê gối, tự chuẩn bị chỗ ngủ...), nhắc trẻ tự đi vệ sinh, đến đúng chỗ của mình, tự trèo lên giường nhắm mắt ngủ ngay, không nói chuyện, không trêu chọc bạn...

Khi trẻ ngủ, cô phải có mặt thường xuyên trong phòng ngủ để theo dõi giấc ngủ và sửa tư thế ngủ của trẻ, xử lý các sự cố như đái dầm, chần trùn kín mặt, sặc nước miếng...

Khi trẻ thức dậy, nên để trẻ nằm chơi một lúc, sau đó cho trẻ đi vệ sinh, lau mặt cho trẻ tỉnh ngủ. Tránh tình trạng dậy đồng loạt một lúc ảnh hưởng đến giấc ngủ của trẻ và sinh hoạt của lớp.

**Tổ chức vệ sinh cho trẻ**

Tập cho trẻ dưới 3 tuổi biết giữ gìn vệ sinh cá nhân là một việc làm hết sức khó khăn, phức tạp đối với người lớn nhưng nó có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với trẻ, giúp trẻ quen dần với nếp sống vệ sinh, sạch sẽ. Việc tập giữ vệ sinh cho trẻ dưới 3 tuổi có một vai trò quan trọng trong việc hình thành tính cách của trẻ.

Người lớn cần chú ý giữ gìn vệ sinh thân thể cho trẻ, vệ sinh răng miệng, mắt mũi, tai, vệ sinh quần áo cho trẻ, luyện tập cho trẻ có thói quen đi đại tiểu tiện đúng giờ, đúng nơi quy định.

+ Vệ sinh thân thể: da trẻ rất mỏng, dễ bị xây xước và nhiễm trùng gây mụn nhọt, lở ngứa... Do đó cần tắm rửa sạch sẽ hàng ngày cho trẻ, nhất là mùa hè.

Tập cho trẻ 2 – 3 tuổi có thói quen rửa tay, rửa mặt trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Trong khi chăm sóc vệ sinh cho trẻ cô vừa làm vừa giải thích để trẻ hiểu tại sao phải rửa tay sạch

+ Vệ sinh răng miệng: Hàng ngày cho trẻ súc miệng bằng nước muối và khi trẻ có 4 răng hàm nên tập cho trẻ đánh răng buổi sáng và buổi tối.

Để răng trẻ phát triển bình thường, cần cho trẻ ăn thức ăn đủ chất, nhất là

thức ăn có nhiều can xi, ăn rau quả nhiều sinh tố C... Không nên cho trẻ ăn thức ăn quá nóng hoặc quá lạnh, quá cứng...

Phối hợp tuyên truyền với phụ huynh tập cho trẻ 3 tuổi tập đánh răng, không nên cho trẻ ăn quà vặt nhất là kẹo, bánh ngọt

Khám định kỳ để phát hiện sớm sâu răng và chữa trị kịp thời. Dạy trẻ có thói quen ngậm miệng khi ngủ, thở bằng mũi để răng miệng không bị khô, nếu răng luôn được ngậm trong nước bọt sẽ khó bị sâu.

+ Vệ sinh tai – mũi – họng: Viêm họng, viêm phế quản, viêm tai là những bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ, làm ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ, thậm chí còn gây nguy hại lớn sau này. Để bảo vệ tai, mũi, họng người lớn cần: Giữ ấm cổ, ngực và đôi chân cho trẻ về mùa đông. Không dùng vật cứng để ngoáy tai, mũi cho trẻ. Cần thường xuyên tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ. Nếu phát hiện ra trẻ bị nghẹn ngào không có phản ứng với âm thanh thì cần phải cho trẻ đi khám kịp thời để tránh hậu quả cảm biến về sau.

+ Vệ sinh mắt: Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, vì vậy cần giữ gìn cho đôi mắt của trẻ thật lành lặn và trong sáng. Trẻ nhỏ thường đau mắt hột, đau mắt đỏ do vệ sinh không tốt hoặc dùng chung khăn bản với người bị đau mắt. Vì vậy cần rửa mặt, lau mắt cho trẻ bằng khăn, nước sạch. Cho trẻ ăn rau xanh, cà rốt, lòng đỏ trứng gà..., uống vitamin A đúng liều để phòng bệnh quáng gà, khô mắt.

Phòng và chữa dứt điểm bệnh đau mắt đỏ, mắt hột..., nên cho trẻ chơi dưới ánh sáng tự nhiên. Không cho trẻ ngồi gần màn hình vô tuyến, máy vi tính, hạn chế thời gian xem vô tuyến.

+ Vệ sinh quần áo: quần áo là lớp da bảo vệ thân thể trẻ khỏi bị xây xước, khỏi bị bụi bặm và điều hoà nhiệt độ thân thể. Quần áo trẻ mặc phải phù hợp theo mùa, sạch sẽ, thay giặt hàng ngày, phơi nắng khô ráo. Không được cho trẻ mặc quần áo, tã lót ẩm ướt.

Chất liệu vải phải phù hợp với khí hậu trong năm, kiểu may đơn giản dễ mặc, dễ cởi... không nên cho trẻ mặc vải khó thoát mồ hôi.

Ngoài ra cần chú ý đến thói quen đi giày, dép. Giày, dép phải mềm mại, vừa chân, thoải mái khi cử động...

+ Luyện tập cho trẻ thói quen đi đại tiện, tiểu tiện đúng giờ, đúng nơi quy định. Việc luyện tập này đòi hỏi người lớn phải kiên trì, khi trẻ biết ngồi vững có thể tập cho trẻ ngồi bô. Tránh để trẻ ngồi bô lâu quá, như vậy sẽ ức chế và có hại cho cột sống. Không nên đánh mắng khi trẻ đái dầm hay ỉa dầm.

Chỉ cho trẻ ngồi bô khi trẻ cần đại tiện hay tiểu tiện, không cho trẻ ngồi bô rồi đi làm việc khác, cần quan sát để đảm bảo trẻ không bị ngã.

Sau khi trẻ đi bô cần rửa ngay cho trẻ và dùng khăn khô lau cho trẻ. Rửa sạch tay cô và trẻ bằng xà phòng rồi mới đi làm việc khác.

### ***1.2. Tổ chức chế độ chơi - tập cho trẻ***

Tổ chức hoạt động chơi - tập cho trẻ là một nội dung quan trọng trong chế

độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non. Tổ chức chơi – tập hợp lí không những làm cho sự tăng trưởng của trẻ diễn ra thuận lợi mà còn giúp cho sự phát triển tâm lí của trẻ diễn ra một cách tích cực. Để tổ chức chế độ chơi - tập cho trẻ có hiệu quả, cô giáo mầm non cần thực hiện một số yêu cầu sau:

### *1.2.1. Chuẩn bị cơ sở vật chất để trẻ chơi – tập*

+ Bố trí chỗ chơi rộng rãi, thoáng đãng, sạch sẽ, phù hợp với nhu cầu hoạt động của trẻ. Chuẩn bị đủ đồ chơi cho trẻ. Đồ chơi phải phù hợp với mục tiêu yêu cầu của giờ chơi – tập và hấp dẫn đối với trẻ (đồ chơi phải có màu sắc tươi sáng, có thể phát ra âm thanh, phong phú, đa dạng, sạch sẽ, an toàn...). Đối với trẻ cuối 3 tuổi cần tăng cường những đồ chơi nhằm giúp đỡ tham gia vào các trò chơi thao tác vai.

### *1.2.2. Hướng dẫn trẻ chơi – tập*

+ Người lớn là cầu nối trẻ với thế giới đồ vật. Cô giáo cần hướng dẫn tỉ mỉ để trẻ sử dụng được đồ vật, cô vừa làm mẫu vừa nói để trẻ hiểu hoặc hát khuyến khích trẻ chơi. Những giờ chơi – tập với đồ chơi mới cô cần cùng chơi với trẻ. Đối với trẻ nhỏ, cô cần hướng sự chú ý của trẻ vào những đồ chơi cần thiết, dạy cho trẻ những thao tác đúng. Khi hướng dẫn trẻ chơi – tập, cô không chỉ dạy trẻ biết thực hiện các thao tác với đồ vật mà cần dạy trẻ biết tên gọi của đồ vật, nhận biết được những thuộc tính của nó, tập cho trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày.

+ Nhịp độ chơi – tập, mức độ yêu cầu, thời gian chơi – tập phải phù hợp với độ tuổi và phù hợp với từng trẻ. Đối với những trẻ khoẻ mạnh có thể cho trẻ hoạt động “động” nhiều hơn là hoạt động “tĩnh”, đối với trẻ yếu ớt thì cho trẻ hoạt động “tĩnh” nhiều hơn. Tuy nhiên, dù là trường hợp nào cũng nên tổ chức đan xen, nhịp nhàng giữa hoạt động cơ bắp với hoạt động thần kinh.

+ Cần động viên, khuyến khích trẻ kịp thời, tạo cho trẻ có trạng thái vui tươi, thoải mái trong khi chơi – tập. Đối với trẻ nhỏ, ban đầu những thao tác còn rất vụng về và phạm nhiều sai sót, cô không nên sốt ruột mà làm thay hoặc khiển trách trẻ. Cần an ủi, động viên, hướng dẫn lại cho trẻ tập nhiều lần mới thành quen.

+ Cần có chế độ chơi – tập riêng cho những trẻ mệt hoặc bị ốm. Tránh tình trạng trẻ hoạt động quá sức bệnh sẽ nặng thêm.

### *1.2.3. Kết thúc giờ chơi – tập*

cô cần dạy trẻ biết thu dọn đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định. Đây là việc làm cần thiết để rèn luyện cho trẻ thói quen gọn gàng, ngăn nắp, giờ nào việc nấy...

## **1.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật, đồ chơi (5)**

### *1.3.1. Hoạt động với đồ vật và ý nghĩa của nó đối với trẻ mầm non*

Ngay từ thời kỳ hài nhi, trẻ đã thực hiện những hành động khá phức tạp đối với đồ vật, nhưng những hành động đó chỉ là vu vơ, tình cờ chứ chưa nhằm vào

việc khám phá chức năng và phương thức sử dụng đồ vật. Sang tuổi ấu nhi, đồ vật lúc này không đơn thuần là cái để nghịch, để chơi mà chứa đựng trong nó chức năng nhất định và phương thức sử dụng nó.

Nhờ có hoạt động với đồ vật mà chức năng của đồ vật lần đầu tiên được bộc lộ ra trước đứa trẻ và đồ vật xung quanh trở thành đối tượng thu hút sự chú ý của trẻ, khiến trẻ háng hái tìm kiếm, tháo lắp cái nọ cái kia... Vì vậy mà tâm lí của trẻ phát triển mạnh, đặc biệt là trí tuệ.

Thông qua hoạt động với đồ vật mà các giác quan của trẻ, đặc biệt là thị giác, thính giác và xúc giác phát triển, khả năng phối hợp thị giác và thính giác của trẻ ngày càng tốt hơn. Sự phong phú về màu sắc, hình dạng, kích thước, âm thanh của đồ vật, đồ chơi là đối tượng thu hút sự chú ý của trẻ, kích thích trẻ gãi, gõ, ngấm nghía, sờ mó, thao tác... với đồ vật. Được sự hướng dẫn của người lớn, những chuẩn cảm giác ở trẻ được hình thành trong quá trình hoạt động với đồ vật.

Thông qua hoạt động với đồ vật, trẻ biết được tên gọi của đồ vật, biết được đặc điểm, tính chất (màu sắc, hình dạng, kích thước, mùi vị...) và công dụng của đồ vật (dùng để làm gì). Điều đặc biệt quan trọng hơn cả là thông qua quá trình hoạt động với đồ vật, trẻ nắm được phương thức hoạt động với đồ vật theo kiểu người. Lúc đầu, có thể trẻ còn hành động lung tung như gõ thìa vào mâm cơm, ném cốc bát xuống nền nhà..., ngay lập tức sau đó trẻ tỏ vẻ bối rối, sợ hãi vì nó hiểu rằng như vậy đã phạm đến quy tắc đối xử với đồ vật mà mọi người phải tuân theo.

Thông qua hoạt động với đồ vật, khả năng định hướng với môi trường xung quanh của trẻ được mở rộng, đồng thời ngôn ngữ của trẻ cũng được phát triển. Vì thế có thể nói, hoạt động với đồ vật đã tạo ra những nét tâm lí mới đặc trưng cho trẻ ở độ tuổi ấu nhi.

Hoạt động với đồ vật còn có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển vận động, đặc biệt là sự khéo léo, linh hoạt của bàn tay, ngón tay. Trong quá trình hoạt động với đồ vật, trẻ có được các biểu tượng về thế giới đồ vật xung quanh cùng với các kĩ năng thao tác với đồ vật đó. Khi chơi các giác quan của trẻ được luyện tập và phát triển, hình thành và phát triển quá trình tư duy và óc tưởng tượng, khi chơi trẻ sử dụng một số kĩ năng và bắt chước một số hành động thường ngày của người lớn – điều này rất cần cho trênhập vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề ở giai đoạn mẫu giáo. Có thể nói hoạt động với đồ vật là tiền đề cho trò chơi đóng vai ở tuổi mẫu giáo.

Như vậy, hoạt động với đồ vật là hoạt động cơ bản, có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

### *1.3.2. Phương pháp tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật*

Khi tổ chức hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật ở trường mầm non thường sử dụng kết hợp các nhóm phương pháp sau:

- Phương pháp trực quan: giai đoạn này trẻ lĩnh hội tri thức thông qua các giác quan. Vì vậy cần đưa ra nhiều đồ vật, đồ chơi kích thích các giác quan của

trẻ nhằm giúp trẻ tích cực thao tác với đồ vật, đồ chơi. Người lớn cần chơi với đồ vật, đồ chơi trước, làm mẫu cho trẻ quan sát và bắt chước. Cần kết hợp với lời nói, cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi hướng dẫn trẻ thao tác với đồ vật, đồ chơi.

- Phương pháp thực hành, luyện tập: Trẻ thích được thực hành, thao tác, hành động với đồ vật đồ chơi nhiều lần. Lúc đầu là những thao tác đơn giản, ngộ nghĩnh, sau phức tạp hơn, khó hơn khi trẻ nắm được thông tin, sử dụng cơ thể và phản ứng với môi trường xung quanh. Hãy để cho trẻ được luyện tập, thực hành hoạt động với đồ vật ở mọi lúc, mọi nơi, cho trẻ được thử sức và cô giúp đỡ khi cần thiết.

- Tạo tình huống: để cuốn hút trẻ vào hoạt động với đồ vật, cô giáo cần tạo ra những tình huống cụ thể, đơn giản và hấp dẫn, khéo léo đề ra nhiệm vụ để trẻ tự giải quyết.

- Phương pháp dùng lời: Trẻ học qua ngôn ngữ, hãy nói chuyện với trẻ trong khi chơi, giải thích cho trẻ các hoạt động đang làm và lí do tại sao. Việc giải thích mục đích, cách thao tác, cách chơi với đồ vật, đồ chơi là một thói quen rất tốt cho trẻ. Trẻ rất thích trò chơi ngôn ngữ, vì thế hãy đưa ngôn ngữ vào như một phần trong hoạt động chơi với đồ vật của trẻ.

- Phương pháp động viên, khuyến khích: việc khen ngợi, khuyến khích trẻ trong hoạt động với đồ vật giúp trẻ thêm tự tin và mong muốn làm tốt hơn, cố gắng hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Đánh giá sản phẩm của trẻ: cô cần nhận xét, đánh giá các sản phẩm của trẻ tạo ra nhằm hình thành ở trẻ niềm vui từ những sản phẩm đó và cố gắng tạo ra nhiều sản phẩm hơn nữa.

### *1.3.3. Tiến trình tổ chức hướng dẫn hoạt động với đồ vật*

- Chuẩn bị cho trẻ hoạt động với đồ vật

Lập kế hoạch tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ: kế hoạch tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ầu nhi chính là những dự kiến, ý tưởng về nội dung, cách tiến hành và hình thức tổ chức hoạt động này trong một khoảng thời gian nhất định.

Có nhiều loại kế hoạch tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ầu nhi ở trường mầm non: kế hoạch trong ngày, kế hoạch trong tuần, kế hoạch theo cả chủ đề lớn.

Việc lập kế hoạch giúp cho giáo viên chủ động từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ ầu nhi ở trường mầm non.

- Tiến hành thực hiện hoạt động với đồ vật cho trẻ ầu nhi

Vận dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp, biện pháp hướng dẫn trẻ ầu nhi hoạt động với đồ vật dưới nhiều hình thức hoạt động khác nhau (hoạt động tự do, hoạt động hướng dẫn có chủ đích, hoạt động theo nhóm nhỏ, nhóm vừa, cả tập thể lớp, hoạt động trong phòng, ngoài sân...) nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ lĩnh hội được “cái” và “cách”.

- Đánh giá kết quả hoạt động với đồ vật của trẻ



Khi đánh giá kết quả hoạt động với đồ vật, giáo viên cần đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ của trẻ trong quá trình hoạt động với đồ vật. Sử dụng các phương pháp như quan sát kết hợp với ghi chép, chụp ảnh, quay bằng hình về quá trình trẻ hoạt động với đồ vật, đàm thoại cùng trẻ, phân tích sản phẩm của trẻ, đưa ra các bài tập, các tình huống để thu thập thông tin.

Đánh giá kết quả hoạt động với đồ vật của trẻ một cách thường xuyên trong từng ngày và cả một giai đoạn. So sánh kết quả đánh giá thu được với những mục tiêu đã đặt ra để từ đó có sự điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động với đồ vật của trẻ ở giai đoạn tiếp theo.

*- Một số yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ*

Khi cho trẻ hoạt động với đồ vật cần tuân thủ một số yêu cầu sau:

Không nên cấm đoán trẻ chơi với đồ chơi không gây nguy hiểm, để cho trẻ tự do hành động với đồ vật theo nhu cầu và hứng thú của trẻ, không áp đặt theo ý muốn chủ quan của người lớn và hướng dẫn trẻ các thao tác với đồ vật. Cần tôn trọng trẻ, coi trẻ là chủ thể, là trung tâm trong hoạt động với đồ vật. Không nên rút ngắn thời gian hoạt động của trẻ hoặc đưa ra quá nhiều sự lựa chọn cùng một lúc cho trẻ. Không được yêu cầu quá cao so với sự phát triển của trẻ nếu trẻ chưa sẵn sàng. Quan sát trẻ trong lúc trẻ chơi để nắm được tốc độ phát triển, khả năng thực của trẻ sau đó mới đưa ra thêm tình huống, nhiệm vụ khi cần thiết đối với trẻ nói chung và từng cá nhân trẻ nói riêng.

Cần phải xây dựng môi trường hoạt động với đồ vật, đồ chơi đa dạng, phong phú, hấp dẫn với trẻ. Tận dụng nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, của địa phương

- + Tạo cho trẻ có không gian để hoạt động thuận tiện, an toàn, vệ sinh
- + Đồ chơi phải đa dạng, phong phú về màu sắc, đảm bảo những yêu cầu về vệ sinh, không gây nguy hiểm cho trẻ
- + Cần lưu ý tới các loại đồ chơi xếp hình, lắp ráp, trò chơi dân gian...
- + Đồ chơi phải bày biện, sắp xếp trong trạng thái “mở”, vừa tầm tay với của trẻ để trẻ dễ lấy và dễ cất vào nơi quy định
- + Không nên bày quá nhiều đồ chơi gây sự phân tâm ở trẻ, cần thường xuyên thay đổi đồ chơi, trò chơi tránh nhàm chán cho trẻ

Cô là người tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện, cơ hội cho trẻ được hoạt động với đồ vật, đồ chơi

+ Dạy cho trẻ biết thao tác với đồ vật, đồ chơi. Cô cần làm mẫu cho trẻ kết hợp với lời nói rõ ràng, mạch lạc sau đó cho trẻ thực hành theo mẫu của cô. Nếu trẻ chưa có khả năng làm cô giúp trẻ từng động tác

+ Trẻ 15 tháng trở lên, cần dạy trẻ biết cách sử dụng một số đồ dùng quen thuộc: cầm cốc uống nước, cầm thìa xúc cơm, cầm bát... thông qua một số trò chơi đơn giản như cho em bé ăn bột, uống nước...

+ Dạy trẻ biết bảo quản đồ chơi, không quăng ném đồ chơi, rèn cho trẻ thói

quen cất dọn đồ chơi mỗi khi chơi xong...

+ Sau khi trẻ đã biết cách sử dụng đồ vật, cần cho trẻ được tự học, tự chơi, cô chỉ cần theo dõi, đưa thêm các điều kiện mới, tạo tình huống để trẻ tìm cách giải quyết vấn đề

+ Khi hướng dẫn trẻ hoạt động không nên nôn nóng, vội vàng làm thay khi thấy trẻ còn lóng ngóng, vụng về khi sử dụng các công cụ. Giáo viên cần tinh tế khi hướng dẫn, phải nhận ra khi nào đứa trẻ không đủ sức giải quyết vấn đề và tìm cách giúp đỡ kịp thời khi trẻ cần sự trợ giúp.

## **2. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo**

### **2.1. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo**

#### *2.1.1. Khái niệm hoạt động vui chơi*

Hoạt động vui chơi là một trong các loại hình hoạt động của trẻ ở trường mầm non, là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo được người lớn tổ chức, hướng dẫn nhằm giúp trẻ thỏa mãn các nhu cầu chơi và nhận thức, đồng thời giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ.

#### *2.1.2. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ*

Hoạt động vui chơi của trẻ mang tính chất vô tư, có nghĩa là khi chơi trẻ không chủ tâm nhằm vào một lợi ích thiết thực mang tính thực dụng. Điều này được thể hiện ở:

Hoạt động vui chơi của trẻ là sự mô phỏng hoạt động của người lớn, mô phỏng lại những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với xã hội. Chính nhờ đặc điểm này mà hoạt động vui chơi mang tính tượng trưng cao, làm nảy sinh, phát triển trí tưởng tượng, cũng như chức năng ký hiệu - tượng trưng được ra đời.

Hoạt động vui chơi mang tính tự do, tức là vui chơi không phải tuân thủ một phương thức chặt chẽ nào trong các lĩnh vực hoạt động thực tiễn mà chỉ mô phỏng chung chung về bên ngoài. Tính tự do còn thể hiện ở tính tự nguyện khi tham gia vào trò chơi của trẻ.

Hoạt động vui chơi của trẻ là một hoạt động độc lập và tự điều khiển. Hơn bất cứ hoạt động nào, khi tham gia vào trò chơi, đứa trẻ bộc lộ hết mình một cách tích cực và chủ động.

Hoạt động vui chơi của trẻ mang màu sắc xúc cảm chân thật mạnh mẽ. Bởi lẽ khi chơi chính là lúc trẻ thể hiện được ước mơ của mình và đứa trẻ sẽ lao vào cuộc chơi với tất cả sự say mê và lòng nhiệt tình vô có của nó.

#### *2.1.3. Các thành tố của hoạt động vui chơi*

Trò chơi là một hình thức hoạt động được bày ra để vui chơi. Bất kỳ một quốc gia, một dân tộc nào cũng có một kho tàng trò chơi cổ xưa và hiện đại cho riêng mình, được chia thành nhiều loại, nhưng tựu chung lại có hai loại trò chơi:

Hành động chơi là những hành động của người tham gia vào trò chơi. Đó

chính là hành động giả vờ mang tính ngụ ý hay những hành động mô phỏng lại những hành động thật trong hoạt động thực tiễn.

Đồ chơi là những phương tiện để chơi, là người bạn thân thiết của trẻ thơ. Đồ chơi thường có những đặc điểm như: Tính tượng trưng, tính khái quát và tính năng động.

*2.1.4. Vai trò trung tâm của trò chơi đóng vai theo chủ đề (TC ĐVTCD) trong hoạt động vui chơi (HĐVC) của trẻ mẫu giáo*

- Trò chơi ĐVTCD là gì?

TC ĐVTCD là loại trò chơi trẻ mầm non sẽ được hóa thân thành các nhân vật khác nhau (làm lính cứu hỏa, bác sĩ, công chúa ...) để nhằm giải quyết được nhu cầu bắt chước người lớn. Trò chơi này chiếm vị trí trung tâm của hoạt động vui chơi của trẻ và nó giữ vai trò là hoạt động chủ đạo đối với trẻ mẫu giáo.

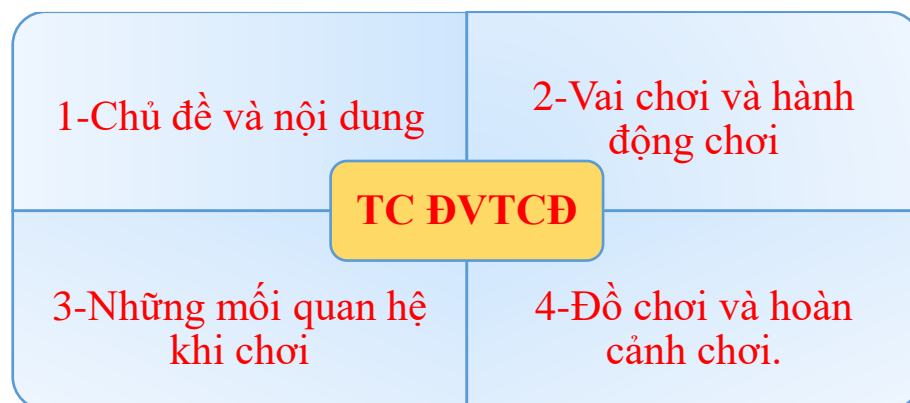
Khi tham gia vào trò chơi đóng vai theo chủ đề, trẻ được sống và hoạt động lao động như người lớn. Vì thông qua trò chơi trẻ mô phỏng lại hoạt động lao động của người lớn và những mối quan hệ qua lại giữa họ trong xã hội.

*Ví dụ khi chơi trò chơi “bệnh viện” trẻ sẽ mô phỏng mối quan hệ giữa bác sĩ và bệnh nhân.*

Trong trò chơi, lần đầu tiên những mối quan hệ giữa người với người được thể hiện ra một cách khách quan trước đứa trẻ. Qua trò chơi trẻ hiểu mỗi người trong xã hội đều có nghĩa vụ quyền lợi của mình. Ví như khi chơi trò chơi “mua bán”, trẻ hiểu rằng “người mua hàng” có nghĩa vụ phải trả tiền cho “người bán”, và được quyền lựa chọn một vài thứ “hàng” nào đó mà mình thích, còn “người bán” khi nhận được “tiền” của “người mua” thì phải trao hàng cho họ.

- Cấu trúc

TC ĐVTCD là loại trò chơi phổ biến nhất của trẻ mẫu giáo, nhưng nó lại có cấu trúc tương đối phức tạp và nó bao gồm các thành tố sau:



**Hình 4.1: Cấu trúc của trò chơi ĐVTCD**

\* Chủ đề và nội dung của trò chơi đóng vai theo chủ đề

- Chủ đề: là các mảng hiện thực được phản ánh vào trò chơi.

- Nội dung chơi là những hoạt động của người lớn mà trẻ nhận thức được

và phản ánh vào tình cảm của mình. Đó là những hành động của người lớn với các đồ vật, những mối quan hệ giữa họ, những quy tắc đạo đức, thẩm mỹ...

**\* Vai chơi và hành động chơi**

- Vai chơi là yếu tố quan trọng để tạo nên trò chơi. Đóng vai có nghĩa là tái tạo hành động của một người lớn với các đồ vật trong những mối quan hệ nhất định với những người xung quanh. → đóng vai là con đường để trẻ thâm nhập vào cuộc sống của người lớn xung quanh.

- Hành động chơi: là trẻ thực hiện hành động gắn liền với từng vai chơi... những hành động này xuất phát từ những hành động thực trẻ đã trông thấy trong thực tiễn hay nghe kể lại. Những thao tác của hành động phải phụ thuộc vào vai chơi, đồ chơi.

Tuy nhiên đây chỉ là hành động mô phỏng, nó không hoàn toàn giống như hành động của người lớn.

**\* Những mối quan hệ qua lại của trẻ trong trò chơi**

- Những quan hệ chơi: đó là những quan hệ qua lại của các vai trong trò chơi theo một chủ đề nhất định, mô phỏng những mối quan hệ của người lớn trong xã hội.

- Những quan hệ thực: đó là những quan hệ qua lại giữa những trẻ là những người cùng tham gia chơi, những người bạn cùng thực hiện một công việc chung.

**\* Đồ chơi và hoàn cảnh chơi**

Để cho hoạt động vui chơi được tiến hành, cần phải có đồ chơi. Có 2 loại đồ chơi:

+ Loại đồ chơi do người lớn làm cho trẻ, mô phỏng lại những đồ vật thực.

+ Loại thứ hai là những vật thay thế cho đồ vật thực.

- Do chỗ đồ chơi không phải là đồ vật thực tương ứng với hành động của vai, mà chỉ là vật thay thế nên khi trẻ thao tác với đồ vật thay thế thì những thao tác này không tương ứng với hành động chơi, buộc trẻ phải tưởng tượng ra một hoàn cảnh chơi tương ứng.

**2.1.5. Sự phát triển hoạt động vui chơi qua ba độ tuổi của trẻ mẫu giáo**

- Sự thay đổi hoạt động chủ đạo ở đầu tuổi mẫu giáo

Sự xuất hiện mâu thuẫn khi trẻ lên ba giữa một bên là nguyện vọng độc lập, tự làm lấy mọi việc như người lớn với bên kia là khả năng của trẻ còn non nớt. Để giải quyết mâu thuẫn này trẻ phải tìm đến một hoạt động mới là *mô phỏng* lại hoạt động của người lớn (làm giả vờ tức là chơi mô phỏng).

Giai đoạn đầu của trò chơi mô phỏng là trò chơi *phản ánh sinh hoạt*. Trẻ sẽ mô phỏng lại một số hoạt động của người lớn trong sinh hoạt hàng ngày như cho bé ăn, tiêm cho bé... đây cũng là dạng sơ khai của TC ĐVTCD. Giai đoạn này tạo ra những tiền đề để trẻ bước sang tuổi mẫu giáo.

HĐVC đã xuất hiện ở cuối tuổi ấu nhi kéo theo những đặc điểm tâm lý mới, nhưng đó chỉ là giai đoạn khởi đầu còn hết sức đơn giản. Những cấu tạo tâm lý mới đó sẽ được phát triển rõ nét trong suốt thời kỳ mẫu giáo, dần dần mới xác định rõ ràng mỗi đứa trẻ là một con người có ý thức bản ngã nhất định. Điều đó diễn ra cùng với sự kiện hoạt động vui chơi mà trung tâm là TC ĐVTCD chuyển thành hoạt động chủ đạo. Đó chính là bước chuyển biến cơ bản trong hoạt động của trẻ khi bước vào tuổi mẫu giáo. Hoạt động với đồ vật nguyên là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi nay luồn xuống hàng thứ hai (tuy nó vẫn tiếp tục phát triển) nhường chỗ cho HĐVC chiếm vị trí chủ đạo với TC ĐVTCD là trung tâm để tạo ra một bước chuyển biến mới, cơ bản trong tâm lý của trẻ: *bắt đầu hình thành một nhân cách*.

Tuy đã xuất hiện trò chơi phản ánh sinh hoạt nhưng trẻ ấu nhi vẫn thường chơi một mình, chỉ chơi với những đồ chơi để mô phỏng hành động của người lớn. Nếu có một vài trẻ thì chúng cũng chỉ chơi cạnh nhau, mỗi đứa làm một việc, không cần biết đến nhau hoặc có để ý đến bạn cũng là chỉ để giành những đồ chơi mà mình đang cần.

Nhưng khi TC ĐVTCD xuất hiện thì việc chơi một mình thì không còn thoả mãn với đứa trẻ nữa, vì trẻ nhận thấy người lớn thường hoạt động với những người khác, nên chúng bắt đầu thiết lập những mối quan hệ giữa các vai trong trò chơi và bắt đầu thực hiện những hành động hợp tác với nhau. Tất nhiên đó chỉ là những mối quan hệ mô phỏng lại những mối quan hệ có thực trong cuộc sống.

Ở đây, sự hướng dẫn của người lớn là vô cùng quan trọng. Người lớn hướng dẫn trẻ quan sát cuộc sống xung quanh, cho trẻ tiếp xúc rộng dần với những sinh hoạt xã hội, bày cho trẻ hành động với vật thay thế như người lớn vẫn làm với đồ vật thật. Nhờ đó TC ĐVTCD từ dạng sơ khai (trò chơi phản ánh sinh hoạt) mới được hoàn thiện dần. Đầu tuổi mẫu giáo, tuy TC ĐVTCD còn non yếu nhưng nó cũng bắt đầu tạo ra tâm lý mới - một nhân cách hết sức đơn giản và đó chính là xu hướng phát triển cơ bản của trẻ. Do đó, việc người lớn tập trung mọi cố gắng để phát triển mạnh mẽ hoạt động vui chơi mà trung tâm là TC ĐVTCD là một công việc hết sức quan trọng, có ý nghĩa giáo dục to lớn đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo.

- Hoàn thiện hoạt động vui chơi mà trung tâm là TC ĐVTCD và hình thành “xã hội trẻ em”

Ở đầu tuổi mẫu giáo, hoạt động vui chơi bắt đầu phát triển mạnh mẽ, đặt biệt là sự phát triển của TC ĐVTCD. Tuy nhiên, phải đến giữa và cuối tuổi mẫu giáo, trò chơi này mới hoàn thiện, đạt tới dạng chính thức và mang đầy đủ ý nghĩa với những đặc điểm vốn có của trò chơi, điều đó được thể hiện ở những điểm sau:

+ Trẻ thể hiện tính độc lập và chủ động rõ nét trong khi chơi

Trò chơi là một dạng độc lập và chủ động của trẻ nói chung, nhưng càng về cuối (mẫu giáo nhỡ và lớn) thì tính độc lập, chủ động mới biểu lộ rõ nét ở việc chọn chủ đề chơi, vai chơi, tìm kiếm đồ chơi, tìm cách khắc phục trở ngại trong khi chơi... Đặc biệt là trong việc chọn bạn chơi và thiết lập mối quan hệ với bạn

cùng chơi, phân vai cho nhau và phối hợp hành động với các vai trong trò chơi.

+ Trẻ thiết lập mối quan hệ rộng rãi và hình thành “xã hội trẻ em”

Vui chơi mà đặt biệt là tham gia vào trò chơi ĐVTCD là hoạt động cùng nhau đầu tiên của đứa trẻ. Không có sự phối hợp với nhau giữa các thành viên thì không thành TC ĐVTCD. Đầu tuổi mẫu giáo, sự phối hợp này còn lỏng lẻo nhưng càng về cuối tuổi mẫu giáo, sự phối hợp giữa các thành viên trong trò chơi chặt chẽ hơn tạo nên các nhóm chơi chẳng khác gì những nhóm xã hội của người lớn. Trong mỗi trò chơi, trẻ đã hành động cùng nhau mà tạo thành nhóm chơi - nhóm xã hội. Trên thực tế, trẻ thường chơi nhiều trò tạo thành nhiều nhóm chơi, các nhóm chơi lại liên kết với nhau. Trong một lớp mẫu giáo lớn, trẻ chơi nhiều trò chơi theo nhiều chủ đề khác nhau: “gia đình”, “bệnh viện”, “trường học”, “công trường xây dựng”, “cửa hàng”, ... Trò chơi diễn ra không tách biệt nhau mà mỗi đứa trẻ có thể tham gia vào nhiều nhóm chơi.

Ví dụ: “mẹ” có thể đưa “con” đến “bệnh viện” có thể đến “cửa hàng” mua nguyên vật liệu... Nhờ đó, các nhóm xã hội được mở rộng thêm như là một xã hội thực thụ, được gọi là “xã hội trẻ em” để mô phỏng lại xã hội của người lớn.

“Xã hội trẻ em” tuy còn khác xa với xã hội người lớn, hợp rồi tan, tan rồi hợp; chơi và thực, nhưng cấu trúc của nó không đơn giản, trong đó mỗi đứa trẻ đều có một vị trí nhất định do thái độ của bạn bè quy định, thông thường trong nhóm lớp thường có:

+ Phần tử trung tâm là một vài cháu nổi hẳn lên được các bạn yêu mến, nể phục, thích cùng chơi, thích được ngồi cạnh, muốn bắt chước bạn và tự nguyện làm theo yêu cầu của những bạn này. Thậm chí có khi còn nhường cả đồ chơi, vai chơi cho những đứa trẻ này. Nguyên nhân được các bạn ưa thích có thể là do thông minh, nhiều sáng kiến, cũng có thể là do tốt bụng, vui tính, có khi còn do “cái oai” làm các bạn nể sợ, những em này dễ thành “thủ lĩnh”.

+ Bên cạnh những trẻ này lại có những trẻ thuộc phần tử cô đơn, là những trẻ không được các bạn cùng chơi ưa thích đến mức không thừa nhận chúng vào nhóm chơi

+ Còn lại các em khác nằm giữa hai cực này được gọi là nhóm trẻ trung gian, thường chiếm số lượng khá đông. Vị trí của mỗi thành viên trong “xã hội trẻ em”, nhất là vai trò thủ lĩnh có ảnh hưởng đáng kể đến sự hình thành nhân cách của các em. Những “phần tử cô đơn” thì dễ sinh ra nhút nhát, tự ti, còn những “những phần tử trung tâm” nhất là “thủ lĩnh” thì lại trở nên tự mãn, tự kiêu thậm chí còn có thái độ hống hách đối với bạn. Bởi vậy, người lớn cần quan tâm điều chỉnh các mối quan hệ của trẻ trong nhóm chơi, tạo bầu không khí thân mật, bình đẳng giữa các thành viên.

Ở “xã hội trẻ em”, cũng bắt đầu hình thành “dư luận”, có nghĩa là trẻ bắt đầu phục tùng ý kiến chung, ngay cả khi điều đó mâu thuẫn với ấn tượng và kinh nghiệm riêng của mình. Trong một thí nghiệm, giáo viên đưa cho trẻ xem một lọ nước màu xanh, nhưng một em ngồi gần lỗ nói nhầm là màu đỏ, thế là lập tức các em khác cũng hòa nói theo màu đỏ. Hiện tượng đó gọi là *tính thích nghi* (hay là a

dua) thể hiện sự phối hợp ý kiến trong nhóm bạn nhưng mang tính dựa dẫm và còn rất ngây ngô. Tính thích nghi ở trẻ sẽ mất dần nhờ giáo dục và kinh nghiệm sống hàng ngày tăng lên giúp trẻ nhận xét một cách độc lập về các sự kiện xung quanh.

- Từ trò chơi ĐVTCD đến trò chơi có luật

Cũng như mọi sự vật và hiện tượng khác, trò chơi cũng tuân theo quy luật: có nảy sinh ở dạng sơ khai – có phát triển để đạt tới dạng hoàn thiện, rồi sau đó sẽ lụi tàn hoặc biến dạng để chuyển hoá thành một dạng khác.

Trong quá trình phát triển của trò chơi, trò chơi *phản ánh sinh hoạt* (trẻ mới chỉ mô phỏng hành động đơn giản của người lớn trong sinh hoạt gần gũi hằng ngày), là thời điểm bắt đầu trò chơi mô phỏng ở dạng sơ khai rồi sau đó mới tiến tới dạng chính thức của trò chơi mô phỏng, đó là TC ĐVTCD. Cao hơn TC ĐVTCD là trò chơi có luật, do sự phát triển (hoặc biến dạng) của TC ĐVTCD mà thành, nó xuất hiện chậm hơn và ở trình độ cao hơn.

Ở TC ĐVTCD, vai chơi là yếu tố nổi lên hàng đầu, còn luật chơi là yếu tố phụ lặn xuống hàng thứ yếu, nói đúng hơn là trò chơi này không có luật, đó mới chỉ là sự mô phỏng lại hành vi của người lớn trong xã hội. Khi tham gia vào TC ĐVTCD, đứa trẻ mới để ý đến vai sao cho hành động của nó phù hợp với cách ứng xử của nhân vật mà nó thể hiện. Còn luật chơi chỉ là sự thoả thuận ngầm giữa trẻ với nhau trong các mối quan hệ nên gọi là “luật ngầm”, như người mua thì phải trả tiền cho người bán hay mẹ thì phải bế con, la mắng con chứ không ngược lại được, cứ chơi như vậy lâu dần trở thành luật. Có thể nhận định rằng *luật chơi là yếu tố được hình thành từ những mối quan hệ giữa các vai chơi*.

Trong các trò chơi có luật (cướp cờ, tìm đúng số nhà, bịt mắt bắt dê...) thì đương nhiên thì luật là yếu tố nổi lên hàng đầu, còn vai chơi thì chìm xuống hàng thứ yếu và rồi mất hẳn trong nhiều trò chơi sau này. Hiểu rõ và thực hiện đúng luật chơi là một bước phát triển mới của hoạt động vui chơi, nó đòi hỏi đứa trẻ phải phát triển ở một trình độ cao, thường là về cuối tuổi mẫu giáo hay học sinh tiểu học. Vì nắm luật cũng tức là nắm một tri thức mang tính *khách quan* buộc người chơi phải tuân thủ và điều quan trọng nữa là phải có ý chí để điều khiển hành vi của mình cho đúng luật, mà điều đó thì trẻ đầu tuổi mẫu giáo là chưa thể có được.

Ví dụ: *một cháu mẫu giáo chơi cá ngựa, một trò chơi có luật, nhưng khi chơi cháu muốn ngựa của cháu bao giờ cũng phi nhanh hơn và về chuồng trước ngựa của người khác, mặc cho xúc xắc chỉ số nào. Hơn nữa ngựa của nó có thể đá bất cứ con ngựa nào mà nó muốn, nhưng ngược lại thì nó không chịu. Nghĩa là chơi mà không cần theo luật lệ nào cả, nói đúng hơn là một thứ luật chủ quan, luật theo ý muốn. Cho đến tuổi mẫu giáo hay học sinh tiểu học thì trẻ mới nắm được luật khách quan.*

Xét trong quá trình phát triển của một đứa trẻ cũng như tiến trình phát triển của trò chơi thì trò chơi có luật xuất hiện chậm hơn trò chơi ĐVTCD. Nói cách khác, trò chơi có luật là một biến dạng của trò chơi ĐVTCD, khi một phần động cơ di chuyển một phần về phía kết quả của hoạt động. Như vậy, khi chơi trò chơi



có luật, động cơ của người chơi vừa nằm trong quá trình chơi vừa nằm ở kết quả chơi, nhưng kết quả này vẫn không phải là một lợi ích thiết thực. Sau này trò chơi có luật phát triển thành muôn hình vạn trạng và người ta đã chia trò chơi đó thành các loại khác nhau theo nội dung, cách chơi và tác dụng của chúng đến sự phát triển tâm lý trẻ em.



**Hình 4.2: Ảnh minh họa: Trò chơi có luật (nguồn internet)**

## **2.2. Hoạt động học tập của trẻ mẫu giáo**

Hoạt động học tập là hoạt động được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.

Đối với trẻ mẫu giáo, hoạt động học tập với ý nghĩa đầy đủ của nó là chưa có, tuy nhiên trong nhiều hoạt động đặc biệt là hoạt động vui chơi đã xuất hiện những yếu tố của hoạt động học tập.

Để hình thành những hứng thú bền vững và nảy sinh những kỹ năng hoạt động trí tuệ, chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông, người ta đã dạy trẻ trong các hình thức có tổ chức đặc biệt gọi là “tiết học” với những đặc điểm cụ thể như sau:

- Thời gian tiết học ngắn và được tăng dần theo độ tuổi (ở lứa tuổi mẫu giáo bé khoảng 10 - 15 phút; ở lứa tuổi mẫu giáo nhỡ từ 15 - 20 phút; ở lứa tuổi mẫu giáo lớn từ 20 - 25 phút).

- Tiết học mang tính tích hợp, trong đó lấy trò chơi làm PPDH chủ yếu nhằm tiếp cận một lĩnh vực văn hóa chứ không lĩnh hội một môn học.

- Trong học tập người ta yêu cầu trẻ thực hiện theo yêu cầu, nhiệm vụ; hướng trẻ đến các kỹ năng nghe, hiểu, làm theo...

- Tiết học ở trường mẫu giáo được tổ chức linh hoạt hơn, mang tính tích hợp hơn, trong đó trò chơi giữ một vị trí quan trọng.

- Trong tiết học ở mẫu giáo, chủ yếu là thông qua các trò chơi, niềm hứng thú đối với các lĩnh vực tự nhiên và xã hội có khả năng xuất hiện ở hầu hết trẻ em mẫu giáo. Ở đây người ta đã dạy trẻ những tri thức mang tính hệ thống nhất định, trong đó những quan hệ chủ yếu của các hiện tượng vốn có ở mỗi lĩnh vực trong hiện thực đều được bộc lộ trước trẻ em.

Hoạt động học tập của trẻ mẫu giáo thường tích hợp những tri thức, kỹ năng vào một trò chơi, vào hoạt động tạo hình hoặc vào một hình thức hoạt động hấp



dẫn nào đó.

Trong hoạt động vui chơi, đặc biệt là trong các “tiết học”, người lớn đánh giá công việc trẻ em, so sánh tiến trình và kết quả việc làm của đứa trẻ này với đứa trẻ khác. Điều này làm cho trẻ bắt đầu tự kiểm tra những hành động của mình và đánh giá những tri thức và kỹ năng của mình một cách đúng đắn hơn. Nhờ vậy những kỹ năng tự kiểm tra và tự đánh giá sẽ được hình thành.

Trong thời kỳ mẫu giáo hoạt động học tập tuy chưa đạt tới dạng chính thức nhưng đã xuất hiện những yếu tố cần thiết (như tính chủ định của các quá trình tâm lý, ý thức nghĩa vụ, bước đầu tự kiểm tra, tự đánh giá...). Việc tổ chức trò chơi có định hướng cùng với việc tổ chức các “tiết học” vừa sức và hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo sẽ làm thúc đẩy những yếu tố của hoạt động học tập được nảy sinh một cách thuận lợi, chuẩn bị tốt cho trẻ học tập ở trường phổ thông sau này.

### ***2.3. Hoạt động lao động của trẻ mẫu giáo***

Hoạt động lao động là một loại hoạt động nhằm tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, những giá trị vật chất và tinh thần cần thiết cho loài người. Đó là hình thức hoạt động cơ bản của người lớn, nó đòi hỏi những điều kiện thể lực và tâm lý cao.

Hoạt động lao động ở trẻ mẫu chỉ hướng đến hình thành cho trẻ những tiền đề của cần thiết cho hoạt động lao động và chủ yếu được thực hiện nhiệm vụ lao động thông qua một trò chơi.

Thông qua trò chơi, ở trẻ cũng được hình thành những hình thức đầu tiên của sự phân công và hợp tác của những người lao động, nói đúng hơn là trẻ học lao động.

Trong những hình thức hoạt động có sản phẩm (vẽ, nặn, cắt, dán...) trẻ mẫu giáo đã biết thực hiện những hành động nhằm tạo ra một kết quả nhất định. Trong hoạt động đó ở trẻ hình thành nên những kỹ năng cần thiết như tự đề ra cho mình một mục tiêu nhất định và lập kế hoạch để đạt tới mục tiêu đó.

Việc thực hiện những nhiệm vụ học tập đơn giản cũng góp phần hình thành ở trẻ sự tự kiểm tra, tự đánh giá công việc của mình. Tất cả những điều đó là tiền đề cần thiết để hình thành nên hoạt động lao động. Tuy nhiên những tiền đề đó còn bị tản mạn trong nhiều hình thức hoạt động khác nhau. Để thống nhất lại cần phải hình thành ở trẻ em những hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động, trước hết là hướng dẫn trẻ thực hiện những nhiệm vụ lao động đơn giản nhằm đạt được một kết quả cụ thể như làm trực nhật (bê thức ăn và chia thìa bát cho các bạn), chăm sóc cây cối, hay động vật nuôi trong nhà, làm các đồ vật đồ chơi đơn giản (bằng giấy, vải vụn, hay hạt...). Đây là những nhiệm vụ lao động đối với trẻ em, đòi hỏi chúng phải cố gắng để đạt được tới mục đích đã đề ra và đạt một kết quả nhất định. Việc thực hiện nhiệm vụ đó sẽ trở thành một hành động lao động chỉ khi nào trẻ em ý thức được ý nghĩa và tính chất bắt buộc của việc tạo ra kết quả, khi nào trẻ em vươn tới kết quả theo một phương hướng rõ rệt.

Những hình thức hướng dẫn trẻ em hợp tác với nhau trong nhiệm vụ lao động chung có một ý nghĩa quan trọng. Nếu công việc của mỗi đứa trẻ được coi là một bộ phận công việc của cả nhóm và kết quả lao động của những đứa trẻ riêng biệt được đánh giá trên cơ sở kết quả chung của toàn nhóm, chất lượng công việc của mỗi đứa trẻ có ý nghĩa quyết định đối với công việc của toàn nhóm, thì điều đó sẽ tạo ra ở đứa trẻ một ý thức hợp tác, tinh thần trách nhiệm và sự quan tâm tới công việc chung và đó là những điều cần thiết cho việc hình thành con người lao động kiểu mới sau này.

### **TÓM TẮT BÀI HỌC**

Nội dung bài học đề cập đến các hoạt động giáo dục cần thực hiện cho trẻ mầm non. Trong đó đối với độ tuổi dưới 3 tuổi cần quan tâm đến hoạt động tổ chức chế độ sinh hoạt, hoạt động với đồ vật. Đối với trẻ mẫu giáo, cần quan tâm đến hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động... Trên cơ sở hiểu rõ vai trò của các hoạt động ở mỗi giai đoạn, người dạy sẽ tổ chức những hoạt động giáo dục phù hợp với từng độ tuổi.

### **BÀI TẬP**

**Câu hỏi 1:** Trình bày những nội dung cơ bản của chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non?

**Câu hỏi 2:** Nêu một số yêu cầu khi tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non. Liên hệ thực tế.

**Câu hỏi 3:** Phân tích ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

**Câu hỏi 4:** Trình bày các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

**Câu hỏi 5.** Phân tích đặc điểm, cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề?

**Câu hỏi 6.** Tại sao nói: Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo?

**Bài tập thảo luận:** Việc tham gia vào hoạt động học tập và hoạt động lao động mang lại những gì cho sự phát triển của trẻ mẫu giáo? Nên tổ chức những hoạt động này như thế nào cho phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo?

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Ánh Tuyết. Tâm lý học trẻ em, tài liệu chính thức đào tạo giáo viên mầm non hệ trung cấp. Nhà Xuất Bản Giáo dục: Hà Nội; 2007.
2. Trần Trọng Thủy (Chủ biên) Nguyễn Quang Uẩn. Tâm lý học đại cương. Hà Nội: Nhà Xuất bản giáo dục; 1997.
3. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên). Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non. Đại học Sư Phạm: Hà Nội; 2014.
4. Nguyễn Ánh Tuyết. Những yêu cầu về sự phát triển của trẻ thơ: Nhà Xuất bản Sự thật; 2012.
5. Phạm Thị Châu. Giáo dục học mầm non. Nhà xuất bản đại học Quốc gia: Hà Nội; 2012.